

Ý KIẾN KẾT LUẬN CỦA THỨ TRƯỞNG VŨ VĂN TÁM TẠI HỘI NGHỊ “PHÁT TRIỂN CÁ NƯỚC LẠNH”

Ngày 23/10/2015, tại Đà Lạt, Lâm Đồng, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Vũ Văn Tám và Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng chủ trì Hội nghị “Phát triển cá nước lạnh”. Ngày 30/10/2015, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Thông báo số 8946/TB-BNN-VP về ý kiến kết luận của Thứ trưởng Vũ Văn Tám. Nội dung cụ thể như sau:

1. Để phát triển bền vững cá nước lạnh trong thời gian tới, cần thống nhất một số định hướng sau:

- Quản lý chặt chẽ phát triển cá nước lạnh theo quy hoạch đã được Bộ phê duyệt; Các loài cá tầm đang nuôi phổ biến ở nước ta phải được bổ sung vào Danh mục giống thủy sản được phép sản xuất, kinh doanh.

- Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất con giống và thức ăn để chủ động công nghệ sản xuất giống và thức ăn trong nước nhằm giảm giá thành, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm cá nước lạnh.

- Sản xuất cá nước lạnh tập trung cung cấp cho nhu cầu thị trường trong nước là chủ yếu; Thành lập Hiệp hội Cá nước lạnh Việt Nam để tăng cường khả năng liên kết, hỗ trợ các doanh nghiệp nuôi cá nước lạnh trong cả nước.

- Các doanh nghiệp chủ động liên kết với các đơn vị nghiên cứu, các chuyên gia trong và ngoài nước để đặt hàng nghiên cứu phục vụ cho sản xuất.

2. Giao các đơn vị thực hiện công việc sau:

a. Tổng cục Thủy sản:

- Hoàn tất thủ tục trước ngày 30/11/2015 trình Bộ Nông nghiệp và PTNT bổ sung 4 loài cá tầm đã được khảo nghiệm vào Danh mục giống thủy sản được phép sản xuất, kinh doanh. Đề xuất để khảo nghiệm và bổ sung các loài cá tầm khác đang nuôi có hiệu quả tại nước ta vào Danh mục.

- Vụ Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế khẩn trương trình ban hành TCVN về giống cá nước lạnh trong quý IV năm 2015.

- Vụ Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế tham mưu cho lãnh đạo Tổng cục trình Bộ bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu chọn giống cá nước lạnh vào năm 2016 từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học, giao cho doanh nghiệp chủ trì, kết hợp với các cơ quan nghiên cứu, các chuyên gia trong và ngoài nước để đến năm 2020 chủ động sản xuất giống trong nước đảm bảo chất lượng.

- Rà soát các thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhập khẩu giống, thức ăn phục vụ sản xuất cá nước lạnh.

- Trong tháng 11/2015, tổ chức đoàn công tác kiểm tra việc bắt cập trong cấp phép nuôi cá nước lạnh tại tỉnh Lào Cai theo ý kiến của Hiệp hội Cá nước lạnh tỉnh Lào Cai; phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp và các đơn vị liên quan bàn về vấn đề thu phí dịch vụ môi trường rừng báo cáo lãnh đạo Bộ.

- Hỗ trợ Ban vận động để sớm trình Bộ Nội vụ thành lập Hiệp hội Cá nước lạnh Việt Nam.

b. Cục Thú y:

- Hướng dẫn công tác phòng chống dịch bệnh cho nuôi cá nước lạnh.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm soát chặt chẽ việc nhập lậu cá tầm không rõ nguồn gốc.

c. Các Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I và III:

- Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống, thức ăn; Quy trình nuôi thương phẩm, phòng trị bệnh để chủ động sản xuất con giống và thức ăn trong nước đảm bảo chất lượng.

- Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ về khảo nghiệm giống 4 loài cá tầm trước ngày 30/11/2015 và TCVN về chất lượng giống cá nước lạnh trong quý IV năm 2015.

d. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia:

- Tổng kết và nhân rộng các mô hình sản xuất cá nước lạnh có hiệu quả, đặc biệt vấn đề liên kết để giảm giá thành trong sản xuất cá nước lạnh.

e. Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh nuôi cá nước lạnh:

- Quản lý sản xuất cá nước lạnh theo quy hoạch đã được phê duyệt; Trên cơ sở quy hoạch phát triển cá nước lạnh toàn quốc, xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết nuôi cá nước lạnh trên địa bàn của tỉnh. Một số địa phương có điều kiện nhưng chưa có trong quy hoạch sẽ được bổ sung khi có đủ các căn cứ.

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng con giống và vật tư đầu vào; hướng dẫn tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp nuôi cá nước lạnh ■

BBT (gt)

DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP

CHUYÊN ĐỀ: “MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÂM CANH CÀ PHÊ HỢP LÝ ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”

Ngày 17/11/2015, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Lắk tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp chuyên đề “Một số giải pháp thâm canh cà phê hợp lý để nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững”.

Tham dự Diễn đàn có hơn 280 đại biểu là lãnh đạo các cục, vụ, viện thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; Nhà khoa học; Đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT; Trung tâm Khuyến nông và bà con nông dân các tỉnh Đắk Lắk, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Nông và Lâm Đồng; Một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; Các cơ quan báo đài trung ương và địa phương.

Phát biểu khai mạc Diễn đàn, TS. Phan Huy Thông - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia cho biết: Trong những năm qua, ngành sản xuất cà phê Việt Nam có nhiều bất cập và phải đối mặt với những khó khăn, thách thức như: Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu làm cho thời tiết, sâu bệnh diễn biến bất thường; Giá vật tư, lao động đầu vào và giá cà phê thế giới luôn biến động mạnh làm cho người trồng cà phê không yên tâm đầu tư. Trên 95% diện tích trồng cà phê ở Việt Nam được sản xuất từ các nông trại, vườn gia đình với quy mô nhỏ. Tình trạng này không những làm cho giá thành sản xuất cao mà còn thiếu sự đồng nhất về kỹ thuật canh tác giữa các nông hộ, dẫn đến sự kém đồng đều về năng suất và chất lượng cà phê, làm giảm uy tín và sức cạnh tranh của cà phê Việt Nam trên thị trường quốc tế. Nhiều hộ nông dân chưa thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chăm sóc, thu hái, điều kiện sơ chế, bảo quản còn kém nên chất lượng cà phê nhân chưa đồng đều, thất thoát về khối lượng và chất lượng còn cao. Thiếu sự liên kết giữa các hộ trồng cà phê, giữa người trồng và các đối tác liên quan trong ngành, thiếu tính bình đẳng trong quan hệ thương mại, chi phí trung gian tăng cao, hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp và người trồng cà phê gặp nhiều rủi ro...

Tại Diễn đàn lần này, các đại biểu và bà con nông dân đặc biệt quan tâm đến vấn đề bón phân hợp lý cho đất, tưới nước tiết kiệm và biện pháp tái canh cà phê hiệu quả. Nhu cầu hiện nay của bà con nông dân là được kiểm tra, phân tích đất để có biện pháp xử lý đất chua, lựa chọn loại phân bón hợp lý



Toàn cảnh diễn đàn

theo nhu cầu từng loại cây trồng hoặc bón phân bổ sung thành phần của đất thiếu. Vấn đề được thảo luận sôi nổi nhất tại Diễn đàn là kỹ thuật tưới nước cho cà phê đúng cách, đúng thời điểm, đủ lượng nước cần thiết để đạt năng suất cao mà không lãng phí nguồn tài nguyên nước, đặc biệt trước thực trạng thiếu nước ngày càng trầm trọng hiện nay. Kỹ thuật tái canh cà phê cũng được nhiều đại biểu quan tâm và nhận được sự chia sẻ kinh nghiệm tái canh cà phê của nông dân các tỉnh Tây Nguyên.

Trong khuôn khổ Diễn đàn, các đại biểu đã thăm mô hình tưới nước tiết kiệm tại Công ty TNHH MTV Cà phê - Ca cao Tháng 10 và mô hình tái canh cây cà phê tại Công ty TNHH MTV Cà phê Tháng Lợi, tỉnh Đắk Lắk. Qua đó, các đại biểu đã trực tiếp trao đổi với chủ hộ về quá trình tham gia thực hiện dự án, thảo luận về tác dụng và hiệu quả của việc áp dụng biện pháp tưới nước tiết kiệm cho cây cà phê.

Theo đánh giá của các đại biểu, tuy hệ thống tưới tiết kiệm có chi phí lắp đặt cao hơn so với việc đầu tư hệ thống tưới truyền thống nhưng việc lắp đặt khá đơn giản, dễ sử dụng, có thể kết hợp bón phân qua hệ thống nước tưới, giảm chi phí nhân công, giảm tối thiểu 20% lượng nước tưới so với biện pháp tưới nước thông thường mà không ảnh hưởng đến chất lượng cũng như năng suất của cây cà phê. Khi áp dụng, việc lắp đặt và lựa chọn vật liệu cho hệ thống tưới tiết kiệm nước rất đơn giản, dễ tìm trên thị trường, nông dân có thể tự lắp đặt cho vườn cà phê nếu được tập huấn, hướng dẫn ■

XUÂN MINH

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

HỘI CHỢ

TRIỂN LÃM NÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI

VÙNG TÂY NGUYÊN NĂM 2015

Từ ngày 28/11/2015 đến ngày 04/12/2015, tại Trung tâm Tổ chức Hội chợ Triển lãm - Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Hội Nông dân, Sở Công thương, Ủy ban Nhân dân Tp. Pleiku tỉnh Gia Lai và Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Phát triển kinh tế tổ chức Hội chợ Triển lãm Nông nghiệp - Thương mại vùng Tây Nguyên năm 2015 với chủ đề “Nông nghiệp, nông dân và nông thôn phát triển bền vững”.

Tới dự lễ khai mạc Hội chợ có ông Kâl Sòm Ôi - Ủy viên Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia - Tỉnh trưởng tỉnh Stung Treng và các thành viên đoàn công tác của tỉnh Stung Treng đến thăm và làm việc tại Gia Lai; Ông Kpă Thuyên - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai; Lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; Đại diện Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường - Bộ Nông nghiệp và PTNT; Đại diện Trung ương Hội Nông dân Việt Nam; Hội Nông dân tỉnh Gia Lai; Lãnh đạo các sở ban ngành và các tỉnh trong vùng cùng đông đảo bà con nhân dân.

Phát biểu tại lễ khai mạc Hội chợ, TS. Phan Huy Thông - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã nêu: Thực hiện Nghị định số 02 ngày 08/01/2010 của Chính phủ về Khuyến nông và chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, những năm qua, cùng với các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao khoa học công nghệ, hệ thống khuyến nông đã và đang tích cực phối hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành nông nghiệp tăng cường công tác thông tin quảng bá, xúc tiến thương mại để giúp nông dân tiếp cận nhanh hơn với các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đồng thời tăng cường cơ hội giao lưu, giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm để tăng thu nhập cho người sản xuất, đồng thời khuyến cáo cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam...”.



Hội chợ lần này đã thu hút gần 600 gian hàng của trên 300 đơn vị, doanh nghiệp, Hội Nông dân các tỉnh vùng Đông Nam bộ và Tây Nguyên tham gia trưng bày, giới thiệu những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sinh học, máy móc, thiết bị, giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, các sản phẩm nông sản - lâm sản - thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ làng nghề truyền thống, hàng công nghiệp, hàng tiêu dùng phong phú phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân trong vùng. Hội chợ còn có nhiều hoạt động bổ ích như hội thảo tư vấn về khoa học công nghệ, thông tin thị trường, các hoạt động văn hoá, văn nghệ, vui chơi giải trí phục vụ nhu cầu thưởng thức của nhân dân. Đặc biệt đêm khai mạc Hội chợ đã được tổ chức thành ngày hội văn hoá các vùng miền với nhiều tiết mục văn hoá văn nghệ đặc sắc mang đậm bản sắc văn hoá các dân tộc Việt Nam, đem lại cho du khách nhiều ấn tượng khi đến thành phố Pleiku những ngày này. Đồng thời, Hội chợ còn tạo điều kiện thuận lợi để tăng cường mối quan hệ kinh tế, thương mại, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, là cơ hội thuận lợi để các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất cùng nhau liên kết và mở rộng, phát triển thị trường vùng Tây Nguyên nói chung và tỉnh Gia Lai nói riêng.

VŨ BÍCH DƯƠNG

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

GIA LAI: HIỆU QUẢ TỪ NHỮNG

Cánh đồng mẫu lớn

Để có được cánh đồng mẫu lớn, giải pháp tối ưu là phải kiến thiết lại đồng ruộng thành những vùng sản xuất tập trung, từ đó ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật để tạo ra những mặt hàng nông sản chất lượng cao với khối lượng lớn, nhằm thu hút doanh nghiệp tham gia vào tiêu thụ sản phẩm. Thời gian qua, tỉnh Gia Lai đã xuất hiện nhiều cánh đồng mẫu lớn mang lại hiệu quả cao đáng ghi nhận.

Vụ đông xuân 2014 - 2015, huyện Chư Pưh đã triển khai sản xuất lúa theo mô hình cánh đồng mẫu lớn ở thị trấn Nhơn Hòa, với tổng diện tích 50 ha do 73 hộ dân của thôn Djrêk và Ky Phun trồng. Mô hình này tập hợp những nông hộ sản xuất lúa riêng lẻ thành một cánh đồng lớn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật và cơ giới hóa hoạt động sản xuất lúa, từng bước hình thành ngành sản xuất lúa hàng hóa quy mô lớn...

Khi tham gia mô hình, nông dân được hỗ trợ giống lúa OM4900 trên từng cánh đồng, áp dụng đồng loạt các biện pháp khoa học kỹ thuật, thay đổi cơ cấu giống lúa kém hiệu quả để đưa cùng một giống lúa có năng

suất và chất lượng cao, gieo sạ đồng loạt cùng cánh đồng. Đồng thời, chuyển giao chương trình quản lý dinh dưỡng ICM trên cây lúa nước giúp nông dân biết đầu tư một cách hợp lý. Hiệu quả rõ nhất là trong vụ lúa đông xuân nông dân thu hoạch với năng suất trung bình 6,5 tấn/ha, tăng 15% so với giống lúa cũ.

Vụ mùa năm nay, mô hình cánh đồng mẫu lớn hỗ trợ giống lúa ML48 và OM4900 triển khai tại 3 điểm là cánh đồng Ia Dreng, xã Ia Dreng, cánh đồng Ia Blang, xã Ia Rong và cánh đồng Plei Thơ Ga, xã Chư Don với diện tích 150 ha (trong đó Nhà nước hỗ trợ 70%). Hiện tại, cây lúa đang sinh trưởng tốt, ít sâu bệnh. Hiện nay đã có 350 ha của nông dân toàn huyện tham gia mô hình cánh đồng mẫu lớn.

Sau 3 năm triển khai, huyện Chư Pưh đã xây dựng và nhân rộng mô hình thâm canh lúa áp dụng đồng loạt các biện pháp khoa học kỹ thuật, thay đổi cơ cấu giống lúa kém hiệu quả, giúp bà con nông dân đưa giống lúa mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, đưa năng suất lúa từ 4 - 4,5 tấn/ha lên 6 - 6,5 tấn/ha. Đồng thời, thay đổi tập quán gieo sạ của bà con từ 200 - 220 kg/ha

xuống 150 kg/ha, giảm chi phí đầu tư giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

Theo UBND huyện Chư Pưh, từ năm 2013 - 2015, huyện đã đầu tư 675 triệu đồng từ ngân sách để hỗ trợ nông dân thực hiện 350 ha cánh đồng mẫu lớn tại các xã Ia Phang, Ia Rong, Ia Hrú, Chư Don và thị trấn Nhơn Hòa. Kết quả thực hiện mô hình cánh đồng mẫu lớn cho năng suất lúa tăng hơn so với diện tích nông dân sản xuất theo truyền thống là 30% (tương đương 1,3 tấn lúa/ha), tăng thêm 8 triệu đồng/ha.

Mô hình “Cánh đồng mẫu lớn” là hướng đi tất yếu trong sản xuất nông nghiệp bền vững. Tuy nhiên, để mô hình ngày càng được nhân rộng có hiệu quả cần giải quyết một số vấn đề, đó là: Làm tốt công tác quy hoạch cải tạo đồng ruộng kết hợp dồn điền đổi thửa, nâng cấp hệ thống giao thông nội đồng; thu hút, liên kết với nhiều doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm, công tác thông tin tuyên truyền vận động nông dân tham gia...■

HƯƠNG TRÀ

Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

KIÊN GIANG: HIỆU QUẢ MÔ HÌNH SẢN XUẤT GIỒNG GÀ RI VÀNG RƠM

Những năm gần đây tình hình chăn nuôi tại Kiên Giang gặp nhiều khó khăn do thời tiết thất thường và dịch bệnh liên tục xảy ra, nhất là dịch cúm H5N1 trên gia cầm gây thiệt hại lớn, làm ảnh hưởng đến tâm lý người chăn nuôi. Năm 2014 - 2015, Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Kiên Giang đã triển khai mô hình “Sản xuất giống gà ri vàng rơm tại nông hộ” theo hướng an toàn sinh học tại 4 huyện trên địa bàn tỉnh gồm Châu Thành, U Minh Thượng, Kiên Lương và Phú Quốc. Việc xây dựng mô hình sản xuất giống gà ri vàng rơm tại nông hộ theo hướng an toàn sinh học nhằm tạo ra một nghề nuôi mới, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho bà con, phù hợp với địa phương, cung ứng con giống sạch bệnh, đạt chất lượng, giảm giá thành con giống, ...

Mô hình có quy mô 300 con gà ri vàng rơm/hộ. Đây là một trong những giống gà mới của Viện Chăn nuôi Quốc gia, với các ưu điểm như: Có sức chống chịu bệnh cao, thích nghi với mọi điều kiện chăn nuôi. Gà nuôi khỏe mạnh, thịt, trứng thơm ngon nên rất hấp dẫn người tiêu dùng. Bà con tham gia mô hình được hỗ trợ 60% tiền con giống, 30% thức ăn, 50% tiền mua tủ ấp trứng và máy phát điện. Tổng số tiền hỗ trợ cho mỗi hộ là 22,228 triệu đồng. Ngoài ra, các hộ tham gia mô hình còn được cán bộ khuyến nông tập huấn hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng giai đoạn úm gà con, giai đoạn gà hậu bị, gà đẻ và kỹ thuật ấp trứng. Bên cạnh đó, bà con còn được hướng dẫn ứng dụng chế phẩm vi sinh Balasa N01 trên đệm lót sinh học nhằm giảm công lao động, giảm mùi hôi, không gây ô nhiễm môi trường. Điều này giúp người chăn nuôi nâng cao ý thức trong việc phòng chống dịch bệnh,



Các đại biểu tham quan mô hình sản xuất giống gà ri vàng rơm tại nông hộ

bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cho người nuôi và cộng đồng xã hội. Đồng thời, định hướng phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng tập trung, an toàn, và quản lý dịch bệnh, tạo ra những sản phẩm an toàn, chất lượng và đáp ứng nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng.

Sau 10 tháng nuôi theo quy trình kỹ thuật, tỉ lệ gà sống đạt trên 95%. Thực tế cho thấy, giống gà ri vàng rơm có độ tuổi đẻ trứng sớm hơn gà ta từ 1 - 2 tuần. Khối lượng trứng đạt 43 - 45 g/trứng, lớn hơn gà nòi khoảng 10 g. Trung bình 1 gà mái đẻ được 110 trứng/10 tháng. Tỷ lệ ấp nở đạt từ 77,5 - 96,5% số trứng có phôi. Tỷ lệ gà nở loại 1 đạt trung bình 89,5% vượt 8,5% so với chỉ tiêu kế hoạch. Tính đến thời điểm này sản lượng trứng trong mô hình đạt 51.435 trứng, số gà con trong mô hình đã bán được 13.456 con. Chất lượng gà con nở ra khỏe mạnh. Với giá bán gà con hiện nay là 13.000 - 15.000 đồng/con, theo tính toán mỗi hộ gia đình đầu tư chăn nuôi 300 con gà ri vàng rơm trong vòng 10 tháng, trừ chi phí sẽ cho lợi nhuận trung bình 62,215 triệu đồng.

Anh Danh Anh ở số 565, ấp Vĩnh Đăng, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành cho biết: Từ khi áp dụng mô hình nuôi gà ri vàng rơm sử dụng đệm lót sinh học, môi trường chăn nuôi được cải thiện đáng kể, phân gà được phân hủy tại chuồng nên giảm được công lao động, giảm đáng kể giảm mùi hôi, ít ruồi, muỗi, không gây ô nhiễm môi trường. Vấn đề bệnh về đường tiêu hóa và hô hấp của gà cũng giảm đáng kể. Ngoài ra, lớp đệm lót giúp giữ ấm cho gà vào mùa lạnh nên gà không bị què chân, lông tơ mượt và sạch, giảm tỷ lệ hao hụt khoảng 5% và gà tăng trọng nhanh, giảm chi phí thức ăn 5 - 10% góp phần ổn định và phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, ổn định cuộc sống kinh tế của hộ gia đình. Hiện nay, anh Danh Anh tiếp tục tuyển thêm 100 con gà mái hậu bị cho lai gà trống nòi địa phương để cung ứng con giống phù hợp với thị hiếu của bà con trong vùng.

Mô hình triển khai đạt hiệu quả tốt về mặt kinh tế và xã hội, giúp giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Được biết, chương trình này sẽ tiếp tục được triển khai trong những năm tiếp theo nhằm nhân rộng mô hình trên địa bàn tỉnh.

TRỌNG THẦN

Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Kiên Giang



Tuyên Quang: Kết quả mô hình

NUÔI CÁ RÔ PHI ĐƠN TÍNH

Với mục tiêu chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi cá cho các hộ gia đình, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Năm 2015, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Trung tâm Khuyến nông Tuyên Quang phối hợp với UBND xã Bình Xa, huyện Hàm Yên triển khai mô hình nuôi cá rô phi đơn tính tại hai thôn Đồng Chùa 1 và Chợ Bờ 1 cho 5 hộ dân tham gia với diện tích 1 ha. Sau 4 tháng thực hiện, mô hình đã cho hiệu quả kinh tế khả quan, mở ra hướng phát triển kinh tế mới cho các hộ nuôi trồng thủy sản ở địa phương.

Mô hình triển khai thực hiện từ tháng 4/2015, với 30.000 con cá giống. Tham gia mô hình, người dân được hỗ trợ 100% con giống, 50% thức ăn, thuốc phòng trị bệnh cho cá; được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi theo từng giai đoạn của cá và được cán bộ khuyến nông thường xuyên hướng dẫn kỹ thuật, chăm sóc, phòng trị bệnh cho cá. Sau 4 tháng chăn nuôi, tỷ lệ sống của cá đạt trên 70%, trọng lượng trung bình cá rô phi đơn tính đạt 400 - 500 g/con, thu về gần 9 tấn cá thương phẩm, thu lãi trên 70 triệu đồng.

Chị Nguyễn Thu Trang, cán bộ trực tiếp theo dõi mô hình cho biết: Trong quá trình thực hiện mô hình cho thấy cá không bị mắc bệnh; tăng trọng bình quân từ 2,8 - 3 g/con/ngày, tuy nhiên do thời tiết nắng nóng và hạn kéo

dài vào thời điểm thả cá giống nên đã ảnh hưởng đến sức khỏe đàn cá.

Gia đình ông Phạm Văn Khóa, thôn Đồng Chùa 1 có trên 1.300 m² ao, trước đây cũng chỉ nuôi cá trắm cỏ, cá trôi, thời gian nuôi 1 - 2 năm mới được xuất bán mà cá lại nhiều dịch bệnh nên hiệu quả vẫn không cao, mỗi năm chỉ thu trên 10 triệu đồng. Năm 2015, được tuyên truyền, vận động, ông đã tham gia mô hình nuôi cá rô phi đơn tính với mật độ thả 3 con/m², tổng số giống cá rô phi đơn tính được thả là 2.600 con, tỷ lệ sống đạt trên 75%. Ông Khóa cho biết, nuôi giống cá rô phi đơn tính này rất dễ, ít bệnh tật mà lại không tốn công chăm sóc trong khi thị trường tiêu thụ ổn định, lãi hơn so với các loại cá mà ông từng nuôi. Đến nay, sau 4 tháng nuôi trọng lượng bình quân của cá đạt 0,4 - 0,5 kg/con

với giá bán hiện nay khoảng 30 - 35 nghìn đồng/kg cũng sẽ thu về được 25 - 30 triệu đồng.

Từ hiệu quả mô hình nuôi cá rô phi đơn tính, thời gian tới Trung tâm Khuyến nông Tuyên Quang khuyến khích các hộ tham gia sau khi kết thúc mô hình cần tiếp tục duy trì và mở rộng quy mô, thường xuyên trao đổi, tuyên truyền và hướng dẫn các hộ trong thôn phát triển nghề nuôi cá, để nghề chăn nuôi cá của xã Bình Xa dần trở thành vùng sản xuất hàng hóa, cung cấp cá an toàn cho người dân địa phương và các vùng lân cận. Qua đó góp phần thực hiện hoàn thành tiêu chí về nâng cao thu nhập cho người dân trong chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương.

VŨ NGỌC TUYẾN

Trung tâm Khuyến nông Tuyên Quang



Các đại biểu thăm mô hình nuôi cá rô phi đơn tính tại xã Bình Xa

Bắc Kạn: Thử nghiệm một số cây ăn quả

TRÊN ĐẤT ĐÃ TRỒNG CAM, QUÍT

Cam, quýt là cây trồng đặc sản mang lại hiệu quả kinh tế cao của tỉnh Bắc Kạn. Hiện nay toàn tỉnh có khoảng 2.150 ha trồng các loại cây này, trong đó tập trung ở huyện Bạch Thông hơn 1.200 ha, riêng xã Quang Thuận có gần 600 ha. Đa số thu nhập của người dân xã Quang Thuận là từ trồng cam, quýt. Mỗi năm, các gia đình thu về khoảng vài chục đến vài trăm triệu đồng.

Theo thống kê sơ bộ của xã Quang Thuận, hàng trăm hécta đất trồng cam, quýt trước đây đã thoái hoá. Khi trồng mới, cây phát triển còi cọc, chỉ trồng được 2 - 3 năm cây lại chết, không cho thu hoạch. Vì vậy, bà con nông dân đã chuyển một số diện tích sang trồng các loại cây khác nhưng hiệu quả kinh tế chưa cao nên không mở rộng diện tích.

Hiện nay, người dân còn lúng túng trong việc lựa chọn cây trồng phù hợp để đưa vào trồng nhằm khai thác diện tích sau trồng cam, quýt, đồng thời mở rộng diện tích cam, quýt theo hướng tiến sâu vào các khe đồi, vườn rừng nên gặp rất nhiều khó khăn như xa nhà, đường đi lại khó khăn.

Nhằm tìm ra biện pháp kỹ thuật canh tác hoặc loại cây trồng phù hợp để khắc phục những khó khăn trên là rất cần thiết. Năm 2013, Trung tâm Khuyến nông Khuyến lâm Bắc Kạn tiến hành thử nghiệm 10 công thức trồng mới các loại cây ăn quả trên 2 loại đất có độ cao khác nhau, đó là đất đồi thấp < 10⁰ và đất đồi cao từ 10⁰ - 25⁰. Trong đó, trên đất đồi cao gồm 4 loài cây như cam Bắc Kạn, quýt Bắc Kạn, sấu ghép và trám ghép, mỗi loại cây trồng thử nghiệm trên diện tích 0,2 ha, tổng diện tích 0,8 ha. Trên đất đồi thấp gồm các loài cây như ổi Đài Loan, hồng không hạt, nhãn chín muộn PHM 99-1.1, cam Bắc Kạn, quýt Bắc Kạn và bưởi Diễn. Mỗi cây trồng diện tích 0,2 ha, tổng diện tích 1,2 ha.

Qua thăm mô hình trồng thử nghiệm tại thôn Na Lù, xã Quang Thuận các đại biểu đã trao đổi, thảo luận và bước đầu khẳng định cây cam, quýt vẫn tiếp tục trồng được trên đất sau trồng cây cam, quýt

nhưng với điều kiện chăm sóc và quản lý tốt sâu bệnh hại; Lựa chọn được các loại cây ăn quả phù hợp trên đất thoái hóa sau trồng cam, quýt như đối với đất vùng thấp thích hợp cho cây ổi Đài Loan, cây hồng không hạt; Đối với đất vùng cao thích hợp cho cây sấu ghép, trám ghép.

Đến thời điểm này cây ổi Đài Loan 02 năm tuổi của hộ gia đình ông Hà Sỹ Duy đã cho thu hoạch từ 3 - 5 kg quả/cây, với giá bán trung bình 12.000 đồng/kg ước tính thu nhập từ 42 cây ổi trồng thử nghiệm cho thu nhập 2 triệu đồng, tương ứng 180 - 200 triệu đồng/ha.

Để mô hình sớm mang lại hiệu quả kinh tế cao và phát triển bền vững, hiện các hộ tham gia mô hình tiếp tục chăm sóc, bón phân, phòng trừ sâu bệnh hại cho cây trong những năm tiếp theo. Qua mô hình, bà con nông dân đã đưa cây cam, quýt Bắc Kạn về trồng trên các khu đồi thấp gần nhà, thuận tiện chăm sóc, vận chuyển vật tư, phân bón, tiêu thụ sản phẩm; Hạn chế dịch chuyển vùng trồng cam, quýt tiến sâu vào khu đất sản xuất lâm nghiệp ■

HỒNG THẮNG

Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn



Người dân chăm sóc cây ổi 2 năm tuổi

Thanh Hóa: Hiệu quả mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật TRONG THÂM CANH LÚA

Vụ mùa năm 2015, Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa triển khai mô hình trình diễn: “Ứng dụng đồng bộ tiến bộ khoa học kỹ thuật (TBKHKT) mới trong thâm canh lúa đạt năng suất chất lượng hiệu quả cao” tại xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Mô hình có quy mô thực hiện 27 ha tại thôn 9 và thôn 10, với sự tham gia của 150 hộ nông dân. Các hộ tham gia mô hình được hỗ trợ 100% giống lúa thuần chất lượng MB68, 30% vật tư phân bón các loại và được hướng dẫn tập huấn kỹ thuật trước khi tiến hành gieo cấy. Mô hình thực hiện với yêu cầu kỹ thuật đồng bộ từ khâu chọn giống đến thu hoạch như: Sử dụng hạt giống lúa tốt, năng suất chất lượng cao, giống đạt cấp xác nhận trở lên. Gieo mạ thưa, cấy mạ non, áp dụng phương pháp cấy hàng rộng hàng hẹp. Trước khi cấy lúa, đất được cày bừa sớm, kỹ, nhuyễn. Áp dụng tưới nước tiết kiệm theo phương pháp tưới ướt khô xen kẽ. Phân bón được sử dụng cân đối hợp lý, ưu tiên sử dụng phân hữu cơ, bón lót sâu trước cấy, bón thúc sớm và tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật. Quản lý dinh dưỡng và dịch hại cây trồng theo ICM; Không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sau cấy 20 ngày, chỉ phun thuốc khi sâu bệnh vượt quá ngưỡng kinh tế. Thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp.

Mặc dù thời gian triển khai gặp nhiều khó khăn do thời tiết khô hạn kéo dài, diễn biến sâu bệnh phức tạp. Tuy nhiên, do



Các đại biểu tham quan mô hình thâm canh lúa đạt năng suất, chất lượng tại xã Thiệu Đô

được sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là sự tham gia nhiệt tình của các hộ nông dân nên hiệu quả mô hình được được đồng đảo người dân và chính quyền địa phương đánh giá rất cao. Ứng dụng TBKHKT mới đồng bộ đã giúp cho cây lúa đẻ nhánh khỏe, số bông/khóm đạt cao 11,5 bông/khóm, cây lúa cứng khỏe, chống chịu hạn và sâu bệnh tốt. Mô hình không những cho năng suất cao, đạt 62 tạ/ha, tăng 18 - 20% so với sản xuất đại trà mà còn giúp nông dân lãi 4,5 - 5 triệu đồng/ha so với năng suất trung bình tại địa phương do giảm được chi phí về giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

Ông Hoàng Viết Nam, một hộ nông dân tham gia mô hình phấn khởi cho biết, trước đây gia đình ông trồng và chăm sóc lúa

theo thói quen là cấy dày, không bón lót trước khi cấy, bón nhiều phân đạm, chưa quan tâm đến kỹ thuật tưới nước tiết kiệm và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng. Tuy nhiên, trong quá trình tham gia mô hình, gia đình ông luôn tuân thủ đúng theo sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật. Với 4 sào ruộng, gia đình ông thu hoạch được hơn 1,3 tấn thóc, sản lượng cao hơn hẳn so với vụ mùa năm trước, vì vậy những vụ lúa tiếp theo, gia đình ông sẽ tiếp tục thực hiện mô hình này.

Niềm vui, sự phấn khởi của ông Trí cũng như tất cả các hộ tham gia mô hình sẽ tạo động lực cho chính quyền địa phương xã Thiệu Đô quyết tâm mở rộng mô hình trong mùa vụ tiếp theo.

TRỊNH HÀ

Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa

Đắk Lắk:

HIỆU QUẢ TỪ DẠY NGHỀ CHĂN NUÔI CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Để giúp bà con áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất, dạy nghề chăn nuôi phải gắn với đặc thù của sản xuất nông nghiệp, quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp của địa phương, năm 2015 Trung tâm Khuyến nông Đắk Lắk tổ chức 4 lớp dạy nghề trong đó có 2 lớp chăn nuôi lợn, bò với 47 học viên chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 91,48% tại thành phố Buôn Ma Thuột và huyện Buôn Đôn, trong đó có vùng đặc biệt khó khăn.

Với sự chênh lệch về độ tuổi, tâm lý, trình độ dân trí giữa các học viên nên trong quá trình đào tạo mỗi giáo viên đã nỗ lực cao ở nhiều khía cạnh như: Hiểu được tâm lý bà con, giảng dạy nhiệt tình, nhẹ nhàng, gần gũi giúp đỡ học viên. Với phương pháp truyền đạt lấy học viên làm trung tâm, áp dụng nhiều phương pháp tập huấn linh hoạt, kiến thức đơn giản, ngắn gọn, dễ hiểu, minh họa thực tế sâu sắc.

Song song với học lý thuyết, việc bố trí tăng giờ học thực hành đã giúp bà con dễ hiểu, dễ làm theo nhằm áp dụng kỹ thuật chăn nuôi (heo, bò) ứng dụng tốt vào thực tiễn sản xuất của mỗi gia đình và địa phương. Với phương thức “cầm tay chỉ việc”, tạo điều kiện để học viên được mắt thấy tai nghe, tay làm thử, các giáo viên luôn quan tâm khích lệ, giúp học viên phát huy khả năng, năng khiếu của mình, tạo không khí sôi nổi trong suốt buổi học.



Giờ học thực hành của các học viên lớp chăn nuôi lợn

Qua khảo sát thực tế tại 2 lớp học về 4 tiêu chí (tổ chức, nội dung, phương pháp, sự tham gia của học viên) để lấy căn cứ nhằm đánh giá chất lượng lớp học đã nhận được sự phản hồi đáng khích lệ trên tất cả các tiêu chí, cụ thể 90 - 100% học viên đánh giá rất tốt về công tác tổ chức, nội dung bài giảng; Phương pháp truyền đạt từ 86 - 95% cùng sự tham gia tích cực của các học viên.

Sau 3 tháng học tập, các học viên đã có những tiến bộ rõ rệt từ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp đến tác phong lao động. Kết quả 100% học viên đã được tốt nghiệp, trong đó có 8% học viên đạt loại giỏi, 52 - 70% đạt loại khá, 20 - 39% học viên đạt học lực trung bình khá, không có học lực yếu kém.

Đạt được những kết quả trên, không thể thiếu sự nhiệt tâm và

kinh nghiệm của đội ngũ giáo viên, sự phối hợp của chính quyền địa phương cùng ý chí ham học hỏi của mỗi học viên. Có thể khẳng định, mỗi lớp đào tạo nghề ngắn hạn được tổ chức tại địa phương là nỗ lực rất lớn của người dạy và người học. Qua các lớp dạy nghề đã có nhiều bà con đồng bào dân tộc thiểu số biết áp dụng kiến thức đã học vào hoạt động sản xuất của gia đình và thôn buôn. Dạy nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số đã tác động tích cực đến việc thay đổi tập quán lạc hậu, giải quyết việc làm tại chỗ. Ngoài ra, đào tạo nghề cho lao động nông thôn cũng góp phần không nhỏ vào kết quả hoàn thành các tiêu chí 10, 11, 13 của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại địa phương. ■

CAO THỊ PHÚC

Trung tâm Khuyến nông Đắk Lắk

Phú Yên: NGƯỜI ĐI ĐẦU TRONG ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀO SẢN XUẤT MÍA

Từng tốt nghiệp trung cấp cơ khí và là thợ sửa chữa máy trong thời bao cấp nhưng ông Đoàn Đắc Miên ở xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên lại được biết đến với tên gọi là ông “Miên mía”. Biệt danh “Miên mía” gắn chặt với cuộc đời lão nông tri điền này đã hơn 20 năm có lẽ.

Mặc dù không phải là người có diện tích đất trồng mía lớn nhất tỉnh Phú Yên, nhưng từ khi gắn bó với cây mía, ông Miên luôn trăn trở, làm thế nào để cây mía có năng suất cao, chất lượng tốt, mang lại thu nhập, đặc biệt để cây mía có đủ sức cạnh tranh, đứng vững trong thời kỳ hội nhập. Từ đó, ông quyết tâm đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất mía.

Bắt đầu trồng mía từ năm 1989, nhưng phải đến năm 1995, khi nhận giống mía ROC10 từ chương trình nhân nhanh các giống mới của ngành nông nghiệp chuyển giao, ông Miên mới thực sự gắn bó đời mình với cây mía. Khi nhân giống thành công, giống mía này đã được chuyển giao cho nhiều địa bàn trong tỉnh như: Tây Hòa, Sông Hinh... và tạo bước đột phá về năng suất thời bấy giờ. Ông phấn khởi chia sẻ: “Phát súng đầu tiên của tôi về cây mía đường đã bắn trúng đích”. Sau đó, hàng năm ông đều đầu tư, cập nhật thêm các giống mía mới. Hiện nay, trang trại quy mô 30 ha mía của gia đình ông có mặt nhiều giống mía chất lượng như: KK3, Suphanburi 7...

Song song với đầu tư về giống, ông cũng mạnh dạn đầu tư về kỹ thuật như bón phân cân đối, làm cỏ... và đặc biệt cần tiến hành bóc lá mía đúng qui trình, cuối vụ, dùng máy bấm lá và cây lấp để bổ sung chất hữu cơ cho đất. Đây là công đoạn mà rất ít nông dân trồng mía thực hiện được.

Ông luôn xác định nước là yếu tố quan trọng trong thâm canh tăng năng suất, chính vì vậy ông đã mạnh dạn bỏ ra hơn 200 triệu đồng để đầu tư 02 hồ nước tưới, bồn chứa nước trên cao, máy bơm và hệ thống đường ống tưới dẫn đi khắp trang trại. Nhờ vậy, năng suất mía bình quân niên vụ 2013 - 2014 của ông đạt 140 - 150 tấn/ha, chứ đường từ 9 - 11%.



Mô hình tưới phun mưa cho cây mía tại trang trại của ông Đoàn Đắc Miên

Không chỉ dừng lại ở đó, năm 2015 ông là người đầu tiên trong tỉnh đầu tư giàn máy Kubota bao gồm cả đầu kéo, máy làm cỏ, bón phân... với tổng trị giá lên đến 1,5 tỷ đồng. Bên cạnh đó, ông cũng đang tiến hành thử nghiệm việc tưới phun mưa cho mía ở quy mô nhỏ.

Trao đổi với chúng tôi, ông cho biết, việc đầu tư máy móc, cơ giới hóa là biện pháp hữu hiệu nhất để hạ giá thành, điều này cũng phù hợp với định hướng mà ngành nông nghiệp tỉnh đặt ra. Chỉ riêng với khâu trồng mía và bón phân bằng máy đã tiết kiệm được 50% chi phí so với trồng thủ công. Thời gian trồng rút ngắn: 01 ha/ngày, đảm bảo ẩm độ đồng đều trên toàn bộ ruộng mía. Dùng máy Kubota làm cỏ, bón phân chỉ chi phí 800.000 đồng/ha/lần, trong khi làm cỏ và bón phân bằng tay phải tốn 20 công/ha/lần với chi phí khoảng 2.600.000 đồng/ha. Đồng thời, việc làm cỏ bằng máy chuyên dụng

cũng làm cho đất tơi xốp, tạo điều kiện cho mía sinh trưởng, phát triển tốt. Đây là hai công đoạn chủ yếu với chi phí lao động chiếm tỷ trọng lớn, khi áp dụng cơ giới hóa, chi phí giảm mạnh, giá thành mía chắc chắn sẽ giảm rất nhiều. Một khâu khác cũng quan trọng không kém trong cấu thành giá mía chính là khâu thu hoạch. Hiện nay, các vùng mía nguyên liệu cả nước nói chung và Phú Yên nói riêng đa số đều thu hoạch thủ công, chịu áp lực rất lớn về công lao động cũng như giá nhân công khi vào vụ. Đây là điều mà bản thân ông Miên cũng như những nông dân trồng mía khác mong mỗi các ngành hữu quan, các doanh nghiệp ngành mía đường quan tâm đầu tư hoặc có chính sách hỗ trợ để đồng bộ việc cơ giới hóa trong sản xuất mía.

Không chỉ phát triển kinh tế gia đình, ông luôn hỗ trợ, giúp đỡ bà con nông dân các vùng trồng mía lân cận, vận động các hộ trồng mía mạnh dạn đầu tư giống mới, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tạo điều kiện và hướng dẫn nhiệt tình cho bà con trong tỉnh đến tham quan, học tập kinh nghiệm tại mô hình của gia đình mình. Chính nhờ những đóng góp đó, ông đã được Bộ Nông nghiệp



Đoàn cán bộ Khuyến nông tỉnh Phú Yên tham quan giàn máy Kubota tại trang trại

và PTNT tặng bằng khen về thành tích phát triển mía đường giai đoạn 2000 - 2005 và được Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam trao tặng giải thưởng vì sự nghiệp nông nghiệp, nông dân, nông thôn lần thứ nhất vào năm 2010. ■

NGUYỄN THỊ MƠ

Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Phú Yên

Điện Biên:

NGƯỜI DÀNH TRỌN TRÁI TIM CHO NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Trong chuyến công tác cùng lãnh đạo ngành nông nghiệp tỉnh Điện Biên, tôi được tiếp xúc với ông Phạm Đức Hiền - Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên, một người thầy, người cha của Ngành rất khiêm tốn, giản dị và cởi mở.

Năm 1981, chàng trai Phạm Đức Hiền trở lại tỉnh Lai Châu (cũ) với tất cả khát khao của một sinh viên trẻ vừa tốt nghiệp Trường Đại học Nông nghiệp III Bắc Thái (nay là Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên). Chưa đầy 2 năm công tác, anh được tổ chức điều sang làm chuyên gia giúp bạn Lào phát triển nền nông nghiệp, khi đang là cán bộ Trạm Bảo vệ thực vật huyện Điện Biên. Năm 1984, ông trời xe duyên giữa chàng trai quê gốc xã Diển Hoàng, huyện Diển Châu, tỉnh Nghệ An với cô gái Thái tên là Lò Mai Trinh, quê bản Hoong Léch Cang, xã Thanh Chấn, huyện Điện Biên. Đây là mối tình đẹp và kết thúc bằng một đám cưới.

Tình yêu của họ nảy sinh từ hồi hai người cùng là sinh viên Khoa Nông Lâm, Trường Đại học Nông nghiệp III Bắc Thái... Sau 21 năm công tác với nhiều cương vị khác nhau, tháng 3/2000 ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc rồi Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên.

Tâm sự với chúng tôi, ông Hiền chia sẻ, năm nay là năm kỷ niệm 70 năm Ngành Nông nghiệp Việt Nam và 52 năm thành lập Ngành Nông nghiệp tỉnh Điện Biên, ông rất tự hào vì sau 52 năm (1963 - 2015) Ngành Nông nghiệp tỉnh Điện Biên được thành lập (Trước đây gọi là Ty Nông nghiệp tiền thân Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy lợi và định canh định cư tỉnh Lai Châu nay là tỉnh Điện Biên), nông nghiệp, nông thôn, nông dân của tỉnh đã thành lập các vùng thí điểm phát triển kinh tế tập trung như: Qui hoạch phát triển cà phê chè Mường Ảng; Qui hoạch phát triển vùng trồng cao su tại các huyện Điện Biên, Mường Chà, Mường Nhé; Chè cây cao



Ông Phạm Đức Hiền (Người tóc bạc) đang giới thiệu giống cà phê chè với đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên

(Tua Chùa); Qui hoạch vùng trồng lúa (cánh đồng lúa tại lòng chảo Mường Thanh); Phát triển qui hoạch khu vực chăn nuôi gia súc.

Sau 52 năm Ngành Nông nghiệp Điện Biên phát triển mạnh mẽ, đã vượt qua mọi khó khăn thử thách, nông nghiệp nông dân, nông thôn có nhiều thay đổi tích cực, tổng diện tích trồng cây lương thực đạt 80.000 ha, diện tích trồng lúa ruộng đạt gần 26.000 ha, năng suất lúa đạt > 54 tạ/ha, diện tích trồng ngô đạt 30.000 ha, chăn nuôi gia súc gia cầm phát triển, diện tích nuôi trồng thủy sản mở rộng, độ che phủ rừng 42%, xây dựng nông thôn mới đạt hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 28,01%, thu nhập người dân tại khu vực nông thôn 12,3 triệu đồng/năm, kênh mương thủy lợi được kiên cố hóa.

Điều trăn trở của Giám đốc Phạm Đức Hiền đó là, làm thế nào để đời sống người nông dân Điện Biên nói chung được cải thiện nhiều hơn nữa, đó là hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khai thác hiệu quả tiềm năng lợi thế của từng vùng, trong đó tập trung sản xuất một số cây công nghiệp tập trung như chè cây cao, cà phê Mường Ảng, cao su, nghiên cứu thí điểm qui hoạch khu vực trồng cây mắc ca; Tăng cường khu vực quản lý khu vực trồng rừng sản xuất gắn với chế biến thị trường tiêu thụ.

Nói về cây lúa tại cánh đồng Mường Thanh ông Hiền cười tươi vì gạo Điện Biên BT7, IR64 đã được bay xa, được người dân cả nước biết đến. Ngày 25/9/2014, Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm gạo Điện Biên. Khu vực đăng ký chỉ dẫn địa lý bao gồm: Xã Thanh Minh, phường Nam Thanh, phường Thanh Trường, phường Him Lam, phường Noong Bua

thuộc thành phố Điện Biên Phủ; Xã Thanh Xương, xã Thanh An, xã Noong Hẹt, xã Sam Mứn, xã Thanh Nưa, xã Thanh Luông, xã Thanh Hưng, xã Thanh Chăn, xã Thanh Yên, xã Noong Luống thuộc huyện Điện Biên. Sản phẩm gạo Điện Biên bao gồm hai loại được sản xuất từ giống IR64 và giống Bắc thơm số 7... Điều ông Phạm Đức Hiền đã và đang “mang nặng” trong lòng, là làm sao để có thể phát huy một cách cao nhất, thiết thực nhất, bền vững nhất các thế mạnh của vùng đất nông nghiệp lòng chảo Mường Thanh, làm sao để chỉ dẫn địa lý trở thành một trong những “phương tiện” giúp người nông dân làm giàu.

Về việc quy hoạch trồng cây cao su, ông Hiền cho biết, bình quân hàng năm mỗi lao động khu vực nông thôn làm việc tối đa 260 ngày, như vậy thời gian nhàn rỗi khoảng 100 ngày. Nếu được tổ chức mùa vụ một cách hợp lý, người nông dân có thể sử dụng thời gian nhàn rỗi vào việc trồng cây cao su. Đương nhiên điều này đem lại lợi ích cho cả hai bên, không chỉ với người nông dân mà cả cho nhà doanh nghiệp. Ngoài ra, tại địa bàn các tỉnh Bắc Lào nơi có cùng vĩ độ với Điện Biên, đã trồng cây cao su từ cách đây gần 30 năm. Hiện nay cây cao su tại Bắc Lào phát triển rất tốt, đều đặn hàng năm mỗi héc-ta cho nguồn thu không nhỏ.

Ông Hiền cũng trăn trở và lo lắng vì người dân còn hoài nghi về khả năng thích ứng của cây cao su đối với đồng đất Điện Biên. Vì cao su là giống cây trồng mới mẻ và tương lai cũng còn ở phía trước. Ngoài yếu tố chủ quan của con người, còn có những thách thức khách quan về điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu tiểu vùng, rồi thì nguồn nước, thị trường tiêu thụ và nhất là những cạnh tranh quyết liệt thời kinh tế hội nhập. Thành công của dự án sẽ góp phần quan trọng tạo dựng niềm tin, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phủ xanh đất trống đồi trọc, chẳng những tăng thêm nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, mà còn đem lại cơ hội cải thiện mức sống cho hàng chục nghìn hộ nông dân...

Ông Phạm Đức Hiền chính là người cha, người chú, cây đa, cây đề trong công tác phát triển Ngành Nông nghiệp, Nông thôn tỉnh nhà với tất cả tình yêu và khối óc hy sinh cho Ngành. Với đức tâm nghề nghiệp giản dị khiêm tốn, ông là tấm gương về nghị lực sống cho thế hệ trẻ Ngành Nông nghiệp tỉnh nơi gương phấn đấu xây dựng nông nghiệp tỉnh Điện Biên ngày càng phát triển, giúp người dân tăng thu nhập, ổn định cuộc sống, từng bước xóa đói giảm nghèo và làm giàu ngay trên chính mảnh đất quê hương ■

HOÀNG KHẮC TÂN

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Điện Biên

Hà Tĩnh:

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TƯỚI PHUN TỰ ĐỘNG

TIẾT KIỆM NƯỚC TRỒNG RAU MÀU CHO HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO

Chúng tôi đến thăm gia đình ông Nguyễn Văn Tỷ ở thôn 4, xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh vào một ngày nắng nóng nhưng dường như cái nóng đã không còn bởi luồng không khí dịu mát khi trước mắt chúng tôi là một thảm màu xanh mơn mớn của rất nhiều loại rau. Trước đây, ông Tỷ trồng cây gì cũng không cho lợi nhuận cao bởi sự khắc nghiệt của thời tiết nơi đây. Mùa đông lạnh, mưa phùn, sương muối, mùa hè nắng nóng cộng thêm gió Lào thổi mạnh làm cho nhiệt độ luôn ở mức cao và ẩm độ thấp. Bên cạnh đó việc đầu tư của gia đình ông Tỷ chọn phát triển rau màu nên càng gặp khó khăn, bởi rau là một trong những loài cây trồng rất cần nước. Tuy gia đình ông đã cố gắng hết sức để khi nào cũng có hàng bán ra nhưng do công lao động bỏ ra để chăm sóc, lại cộng thêm tiền điện để tưới nước quá lớn nên dù đã tính công làm lãi thì nhiều vụ gia đình vẫn không có lợi nhuận thu về.

Biết không thể duy trì cách làm này mãi nên ông đã tìm hiểu rất nhiều trong việc phát triển cây rau và tìm cách khắc phục việc bỏ công tưới nước và tiết kiệm nguồn nước, tiết kiệm tiền điện khi nguồn nước ngày càng cạn kiệt và giá điện ngày càng tăng cao. Sau một thời gian tìm hiểu, ông Tỷ đã tìm được hệ thống tưới có thể áp dụng được với vùng đất này đó là hệ thống tưới phun nước tự động. Hệ thống này tưới



dưới dạng mưa nhân tạo nhờ các thiết bị tạo dòng phun mưa thích hợp. Tùy vào diện tích gieo trồng mà có thể lắp đặt thiết bị phun tưới phù hợp và nước được tưới tự động bằng motor điện 1,5 KW, đường kính phun 4 - 5 m². Ngoài ra, với chất liệu đường ống bằng nhựa cùng trang thiết bị còn cho thấy hệ thống này có thể sử dụng lâu dài, góp phần giảm chi phí ban đầu mỗi vụ màu. Công nghệ này còn giúp tiết kiệm nước, giảm công tưới, giúp cho việc chăm sóc các luống rau, hoa màu nhẹ nhàng và mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Đặc biệt, việc sử dụng hệ thống tưới phun tự động khá đơn giản, chỉ cần bật công tắc điện cho motor chạy, sau đó đi kiểm tra hệ thống ống nước thì có thể tưới cho cả một diện tích lớn, nhỏ bất kể thời gian và có thể điều chỉnh mức độ tưới theo ý muốn. Tùy theo từng loại cây trồng, cách thiết kế diện tích đất

trồng mà chiều cao ống phun và số lượng lắp đặt vòi phun có thể tăng, giảm, cao, thấp trên một diện tích đất canh tác. Kỹ thuật tưới phun nước tự động còn góp phần duy trì diện tích, sản lượng rau trên một đơn vị diện tích, đa dạng hóa các loại rau.

Trước hết ông Tỷ đầu tư thử nghiệm hệ thống tưới tiết kiệm trên diện tích 500 m² vườn rau của gia đình với chi phí 5 triệu đồng áp dụng cho mô hình trồng mướp Thái, mồng tơi và rau thơm. Sau 2 tháng gieo hạt, trồng cây, vườn rau nhà ông đã cho thu hoạch 2,2 triệu đồng/tháng, trong đó thu hoạch từ mướp Thái là 1 triệu đồng; 0,7 triệu đồng từ mồng tơi và 0,5 triệu đồng từ các loại rau thơm trong vườn. Sau khi trừ các khoản chi phí, ông Tỷ lợi nhuận hơn 1 triệu đồng, cao hơn nhiều so với trước khi chưa áp dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước. Như vậy, một năm gia đình

ông thu hoạch sản phẩm từ vườn trong 9 tháng, thu về gần 20 triệu đồng/tháng/500 m². Đây là khoản lợi nhuận cao và ổn định đối với hộ nông dân làm kinh tế vườn như gia đình ông.

Nhận thấy hiệu quả mang lại rõ rệt, ông đã tiếp tục mở rộng diện tích lắp hệ thống tưới nước phun tự động lên 1.500 m². Giờ đây, việc trồng rau màu đối với gia đình ông đã đơn giản, nhẹ nhàng hơn rất nhiều nhất là trong việc tưới nước. Bên cạnh đó, việc cung cấp nước đầy đủ kết hợp áp dụng tiến bộ kỹ thuật nên chất lượng rau nhà ông ngày càng đảm bảo và dễ dàng tiêu thụ hơn.

Không chỉ gia đình ông mở rộng diện tích, các hộ khác trong xã thấy mô hình tưới phun tự động tiết kiệm nước, đơn giản, đỡ tốn công mà mang lại hiệu quả kinh tế cao nên đã đến nhà ông Tỷ học hỏi kinh nghiệm về lắp đặt hệ thống cho vườn gia đình mình. Hệ thống tưới phun tự động đã làm thay đổi tập quán canh tác theo hướng tích cực và thúc đẩy việc sản xuất rau màu tại địa phương với qui mô ngày càng lớn.

Tạm biệt gia đình ông Tỷ, tạm biệt xã Cẩm Quang chúng tôi vẫn cảm nhận rõ cái dịu mát và màu xanh của tương lai nơi vườn rau nhà ông. Quả thật gia đình ông Tỷ là một tấm gương sáng trong việc ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào phát triển kinh tế hộ gia đình giúp nâng cao thu nhập cho gia đình ông đồng thời giúp tăng thu nhập cho các gia đình khác và cho xã nhà, góp phần chung tay xây dựng tiêu chí “nâng cao thu nhập” trong xây dựng nông thôn mới ■

HOÀNG THỊ THANH

Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh

Mỹ Hòa là xã cù lao nằm ven sông Hậu thuộc thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long được thiên nhiên ưu đãi với đất phù sa ven sông màu mỡ. Năm 2000, nhà nước đầu tư đê bao khép kín toàn xã, bà con nông dân xã Mỹ Hòa đã chuyển đổi từ canh tác lúa sang trồng cây ăn trái. Do vùng đất này rất thích hợp cho cây có múi nên người dân nơi đây đã mạnh dạn lấy cây bưởi Năm Roi làm cây trồng chủ lực và phát triển thành vùng chuyên canh bưởi gần 1.200 ha.

Ông Nguyễn Hoài Sơn là một trong những điển hình trồng bưởi Năm Roi đạt hiệu quả kinh tế cao. Hiện nay, gia đình ông có 7.000 m² đất trồng với 280 gốc bưởi. Ông Sơn chia sẻ, những năm đầu chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng bưởi, do kinh nghiệm làm vườn còn kém nên năng suất bưởi thấp, thu nhập chưa cao. Năm 2009, được Hội Nông dân, Hội Làm vườn và Trạm Khuyến nông thị xã Bình Minh giới thiệu tham dự lớp tập huấn về kỹ thuật chăm sóc bưởi Năm Roi cộng với các kiến thức tự học hỏi, ông Sơn đã ứng dụng và đúc kết được nhiều kinh nghiệm trồng bưởi để đạt hiệu quả cao.

Năm 2013, ông được tham gia dự án “Phát triển kinh tế vườn” do Trung tâm Khuyến nông tỉnh triển khai và vườn bưởi của gia đình ông được chứng nhận GlobalGAP. Sau khi được chứng nhận, sản phẩm bưởi của gia đình ông được thu mua với giá cao. Mỗi năm, gia đình ông thu hoạch 35 tấn bưởi, với giá bán bình quân 19.000 đồng/kg, trừ chi phí khoảng 170 triệu đồng, thu lãi gần 500 triệu đồng. Dưới đây là kinh nghiệm trồng và chăm sóc

vườn bưởi Năm Roi của ông Sơn, bà con có thể tham khảo:

1. Tỉa cành

Sau khi thu hoạch quả xong, tiến hành tỉa bỏ các cành:

- Cành bị sâu bệnh hại, cành nhỏ yếu, cành nằm phía bên trong tán cây (những cành này không có khả năng cho quả ở vụ sau).

- Cắt bỏ những cành vượt trong thời gian cây đang cho quả để hạn chế việc cạnh tranh dinh dưỡng với quả.

- Cành vừa cho quả: Tỉa ngắn còn khoảng 10 - 15 cm.

Lưu ý: Phải khử trùng dụng cụ cắt cành bằng cồn 90^o để ngừa việc lây bệnh.

2. Tỉa bỏ quả

Sau khi bưởi đậu quả khoảng 1 tháng thì tỉa quả. Tỉa bỏ những quả ở trên cao gần ngọn, quả không đẹp. Mỗi chùm chỉ chừa lại một quả lớn có hình dáng đẹp. Tùy cây tốt hay xấu mà để lại số lượng quả cho thích hợp, như vậy vườn bưởi sẽ không bị già cỗi và tỷ lệ quả loại 1 rất cao. Thông thường ông Sơn để khoảng 50 - 60 quả lớn/cây/đợt quả, tùy thuộc vào độ lớn của tán cây.

3. Cải tạo cây để trẻ hóa cây già cỗi

Cắt bỏ từ 1/4 - 1/3 cành cấp 1 đã bị bệnh hoặc kém hiệu quả, những cành giao tán. Những cành lớn có vết cắt rộng phải cắt đúng kỹ thuật và quét vôi ở chỗ cắt để cây bưởi mau liền sẹo, không bị nấm hại xâm nhập làm suy và chết cây.

4. Tưới nước

Trong mùa nắng, tưới nước cho cây 2 - 3 ngày/lần. Để chủ động và kết hợp rửa tán cây, xịt rửa rầy mềm đợt non vào mùa mưa nên tưới bằng máy gắn

Vĩnh Long: Kinh nghiệm CHĂM SÓC VƯỜN BƯỚI NĂM ROI ĐẠT HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO

ống nước. Vào mùa mưa dầm và nước lớn nên đóng cống trong hệ thống mương để không chế nước vào mương vườn. Những đợt nắng kéo dài trong mùa mưa cũng cần phải tưới nước đầy đủ cho cây.

5. Bón phân

- Sử dụng phân đơn như: Urê, DAP, kali clorua, lân Lâm Thao, phân TE để bón.

- Cách bón như sau: Sau khi thu hoạch, bón đạm và lân (urê, DAP hoặc lân Lâm Thao); Khi cây chuẩn bị ra hoa, bón DAP hoặc lân đơn; Giai đoạn nuôi quả, bón đủ 3 loại đạm, lân, kali và bổ sung phân TE. Giai đoạn nuôi quả bón 3 lần: Lần 1 sau khi cây đậu quả, lần 2 cách lần 1 khoảng 3 - 4 tháng và lần 3 trước thu hoạch khoảng 1 tháng.

- Phương pháp bón: Rải phân quanh gốc theo hình chiếu tán cây, trước khi bón phân tưới nước cho đất đủ ẩm.

- Hàng năm cần bổ sung phân hữu cơ. Nguồn phân từ chăn nuôi của gia đình như phân gà, vịt, heo (lợn) đã hoai mục đem ủ với chế phẩm nấm Tricoderma, bón khoảng 10 kg phân hữu cơ/gốc để cung cấp thêm dinh dưỡng và nấm đối kháng nhằm phòng bệnh cho cây, đồng thời giữ ẩm cho đất trong mùa nắng.

Theo kinh nghiệm thì ông Sơn chỉ sử dụng chất điều hòa sinh



Ông Nguyễn Hoài Sơn chăm sóc vườn bưởi của gia đình

trưởng, ít sử dụng phân bón hóa học qua lá vì dễ bị nấm bệnh trên thân, cành. Thường 2 năm vét bùn bồi liếp 1 lần vào tháng 2 - 3 dương lịch (lớp bùn dày khoảng 2 - 3 cm).

6. Đối với sâu, bệnh hại

- Mùa nắng, các đợt đợt non: Chú ý phòng trừ rầy mềm, bọ trĩ, rệp sáp, nhện đỏ, rầy chổng cánh,... cần phát hiện sớm để trừ kịp thời mới có hiệu quả. Với rầy mềm, dùng biện pháp tưới nước để rửa trôi.

- Mùa mưa: Chú ý bệnh loét, ghẻ; xịt thuốc phòng trừ bệnh từ lúc quả còn nhỏ, dùng các loại thuốc có gốc đồng phun vào giai đoạn lá non như Copper-Zinc,

Kasuran, COC-85... để phòng ngừa bệnh. Khi đa số hoa đã đậu quả thì tiếp tục phun thuốc 10 - 15 ngày/lần đến khi quả lớn.

- Đối với bệnh thối gốc chảy nhựa: Khi trong vườn có cây bị bệnh, dùng dao cạo bỏ phần vỏ bị nhiễm và dùng thuốc Ridomil pha với liều 20 g/lít nước, bôi lên chỗ đã cạo. Trong giai đoạn cây cho quả, phun thuốc ngừa để tránh bệnh xâm nhiễm. Dùng Chlorine với liều 50 g/10 lít nước, phun cả thân và gốc cây bưởi để trừ rong và địa y nhằm phòng bệnh thối gốc chảy nhựa. ■

BBT

Yên Bái: HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH CHĂN NUÔI LỢN NÁI NGOẠI

Với mục tiêu cải tạo, nâng cao chất lượng con giống, đảm bảo nguồn thịt lợn đến tay người tiêu dùng có chất lượng hơn, từ năm 2008 đến nay, Trung tâm Giống vật nuôi tỉnh Yên Bái đã xây dựng 24 cơ sở truyền tinh nhân tạo, bằng các giống lợn đực ngoại năng suất chất lượng. Năm 2013 - 2014, Trung tâm Giống vật nuôi tỉnh Yên Bái tiếp tục hỗ trợ 50 con lợn nái ngoại cho 6 điểm mô hình, nhằm thay thế giống lợn nái nội để có những con lợn thịt siêu nạc đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.

Gia đình ông Nguyễn Văn Tiến ở khu phố Hóp, xã Báo Đáp, huyện Trấn Yên đã nhiều năm gắn bó với nghề chăn nuôi lợn. Khoảng 2 năm trở lại đây, được Trung tâm Giống vật nuôi tỉnh Yên Bái hỗ trợ 1 con lợn đực ngoại để xây dựng mô hình cải tạo giống lợn địa phương bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, gia đình ông Tiến đã chuyển hướng chăn nuôi giống lợn lai F1 giữa lợn nái Lang Hồng lai với lợn đực Landrace (người dân thường gọi là lợn 2 bẹ). Qua quá trình nuôi, gia đình ông Tiến nhận thấy giống lợn này có nhược điểm như: Khó bán do tỷ lệ mỡ cao, tiêu tốn thức ăn nhiều và chậm lớn. Vì vậy, khi biết Trung tâm Giống vật nuôi tỉnh có mô hình hỗ trợ giống lợn nái ngoại, ông Tiến đã phá dỡ khu chuồng nuôi xây kiên cố trước đây để chuyển sang làm chuồng sắt nuôi lợn nái ngoại. Gia đình ông thực hiện với sự hướng dẫn kỹ thuật của các cán bộ Trung tâm từ khâu làm chuồng, xây dựng bể biogas, hệ thống nước uống tự động cho đàn lợn.

Với gia đình anh Tạ Quyết Định, thôn 3, xã Đào Thịnh, huyện Trấn Yên trước đây chọn giống lợn Móng Cái để làm nái. Qua nhiều năm chăn nuôi, anh Định nhận thấy dù giống lợn này dễ nuôi, phàm ăn nhưng đầu ra lại không ổn định, giá cả bấp bênh. Đây cũng là điều khiến anh luôn trăn trở, suy nghĩ. May mắn đã đến với gia đình anh Định khi gia đình anh là một trong 6 hộ được Trung tâm Giống vật

nuôi của tỉnh chọn làm điểm trình diễn mô hình chăn nuôi lợn nái ngoại trong nông hộ. Hơn 1 năm làm quen với việc nuôi lợn nái ngoại, anh Định thấy nhiều ưu điểm vượt trội của giống lợn này so với trước. Những khó khăn trước đây đã không còn bởi giống lợn nái ngoại này trung bình mỗi con đẻ 2,4 lứa/năm, mỗi lứa từ 11 - 14 con. Sau mỗi lứa lợn đẻ anh Định vẫn áp dụng phương thức vừa để lại nuôi nhằm giảm bớt chi phí mua lợn giống, vừa cung cấp con giống cho nhiều hộ gia đình trong vùng. Hiệu quả kinh tế hơn hẳn, mỗi con lợn giống ngoại sau khi cai sữa có giá từ 1,2 - 1,5 triệu đồng, cao gấp 2 - 3 lần so với giống lợn Móng Cái. Đối với lợn thịt thì cứ 1 tấn lợn hơi giống Móng Cái anh Định có thu nhập 35 triệu đồng, trừ chi phí còn lãi 17 triệu đồng, nhưng đối với giống lợn ngoại xuất chuồng có thu nhập trên 40 triệu đồng, trừ chi phí cho lãi ít nhất 25 triệu đồng.

Song song với công tác xây dựng các điểm mô hình chăn nuôi lợn nái ngoại, từ năm 2008 đến nay Trung tâm Giống vật nuôi tỉnh Yên Bái đã xây dựng được 24 cơ sở truyền tinh nhân tạo bằng giống lợn đực ngoại năng suất chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu phối giống trong vùng. Trung tâm đã thành lập tổ chuyên trách thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc hướng dẫn các chủ cơ sở thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng lợn đực, khai thác và pha chế tinh lợn nhằm đảm bảo chất lượng tinh cung ứng đạt tiêu chuẩn kỹ thuật. Ngoài ra, Trung tâm còn tổ chức các khóa đào tạo nâng cao cho chủ các cơ sở chăn nuôi lợn đực giống và đào tạo kỹ thuật cho một số chủ hộ chăn nuôi lợn nái ngoại nhằm chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi lợn ngoại giúp người chăn nuôi tiếp cận với phương pháp chăn nuôi mới. Vì vậy, chất lượng tinh tại các cơ sở đều cho tỷ lệ phối đạt trên 90%.

Hiện nay, toàn tỉnh Yên Bái có khoảng gần 500.000 lợn thịt, với sản lượng thịt hơi xuất chuồng là trên 8.000 tấn. Vì vậy, việc triển khai các mô hình trình diễn, tỉnh Yên Bái sẽ dần thay thế những giống lợn cũ chất lượng kém sang giống lợn ngoại siêu nạc, có thời gian chăn nuôi ngắn hơn, tiêu tốn thức ăn thấp vừa giúp người chăn nuôi nâng cao mức thu nhập vừa đảm bảo chất lượng thịt cung cấp cho người tiêu dùng tại địa phương. ■

NGUYỄN THỊ MINH PHƯỢNG
Trung tâm Khuyến nông Yên Bái



KỸ THUẬT NUÔI CÁ TẦM TRONG LỒNG BÈ TRÊN HỒ CHỨA

Cá tầm sống trong môi trường nước lạnh, sạch và ôxy hòa tan cao. Nhiệt độ nước phù hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cá từ 18 - 27°C.

Nuôi cá tầm trong lồng bè trên hồ chứa có những ưu điểm nổi bật như: Nền nhiệt độ nước ở hồ chứa ổn định nên có thể nuôi cá tầm với mật độ cao, tận dụng được nguồn thức ăn tự nhiên phong phú trong hồ, tốc độ phát triển của cá nhanh hơn nuôi bể, chất lượng thịt cá tầm nuôi lồng bè thơm ngon hơn, thịt săn chắc hơn, giá trị thương phẩm cao hơn nuôi bể. Năng suất cá tầm nuôi trong lồng bè đạt 20 - 30 kg/m³.



Kỹ thuật nuôi cá tầm trong lồng bè trên hồ chứa bao gồm những nội dung chính sau đây:

1. Giới thiệu một số đặc điểm sinh học của cá tầm

Cá tầm là loài cá ăn ở tầng đáy, thức ăn chủ yếu là các loài động vật giáp xác, nhuyễn thể, giun tơ, ấu trùng côn trùng và cá nhỏ.

Môi trường thích hợp cho cá tầm sinh trưởng và phát triển tốt là: Nước lưu thông, nhiệt độ thích hợp từ 16 - 28°C, pH từ 6,5 - 8, ôxy hòa tan trong nước > 5 mg/l. Trong điều kiện nuôi lồng bè, một năm cá tầm có thể đạt kích cỡ từ 1,5 - 2 kg/con.

2. Lựa chọn vị trí đặt lồng nuôi cá tầm

Vị trí đặt lồng/bè phải nằm trong vùng quy hoạch để phát triển nuôi trồng thủy sản hoặc phải được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền; Không bị ảnh hưởng bởi lũ, không gần cửa đập và không bị ảnh hưởng của các nguồn gây ô nhiễm; Lựa chọn nơi có dòng chảy nhẹ, có độ sâu cách đáy lồng lúc mực nước thấp nhất là > 10 m. Nguồn nước sạch, mát, nhiệt độ nước tại khu đặt lồng bè phải đảm bảo dao động trong năm từ 16 - 28°C.

3. Thiết kế, lắp đặt lồng bè nuôi

Lồng bè nuôi cá tầm trên hồ chứa hiện nay có 2 loại lồng chính là lồng hình tròn và lồng hình vuông.

Một số ưu nhược điểm của 2 loại lồng hình tròn và lồng hình vuông

Loại lồng	Ưu điểm	Nhược điểm
Hình tròn	Chịu được sóng gió, di chuyển dễ dàng, thể tích lớn	Chi phí đầu tư tốn kém, khó kiểm tra cá do thể tích lớn, chỉ phù hợp nuôi ở các hồ chứa lớn
Hình vuông	Chi phí đầu tư thấp, di chuyển dễ dàng, dễ dàng kiểm tra và thu hoạch cá	Khả năng chịu sóng gió kém hơn

* Các loại vật liệu làm lồng:

Khung lồng: Vật liệu làm khung lồng nuôi cá tầm hình vuông sử dụng ống thép, thép V, ống kẽm (Ø34). Các thanh ống kẽm, thép được hàn chặt tạo thành hệ thống khung lồng chắc chắn.

Khung lồng hình tròn sử dụng vật liệu ống nhựa HDPE Ø200 mm được hàn bằng nhiệt, các khung lồng được kết nối với nhau bằng các đai thép mạ kẽm.

Lưới lồng: Lưới lồng được làm bằng lưới sợi PE dệt không gút để cá không bị xây sát. Lưới không thủng, mắt lưới đều, mắt lưới thích hợp để giữ cá nhưng vẫn đảm bảo nước lưu thông; Kích cỡ mắt lưới từ 2a = 1 - 4 cm tùy theo kích cỡ của cá.

Phao: Phao nổi nên sử dụng các phi nhựa/phi thép 200 lít, lắp đặt phao lưu ý phải quay phần nắp phao lên trên để tránh hiện tượng rò rỉ nước làm chìm phao hoặc các tấm xốp lớn được bọc lưới hoặc bạt để tăng độ bền trong nước.

Nhà ở quản lý: Tùy theo kích cỡ lồng bè để xây dựng khu nhà ở và kho chứa cho phù hợp.

Một số loại kích cỡ lồng bè nuôi thương phẩm cá tầm trên hồ chứa

Loại lồng	Kích thước: dài x rộng x cao (m)	Thể tích lồng (m ³)
Hình vuông	(4 - 6) x (4 - 6) x (4 - 6)	64 - 216
Hình tròn	Bán kính = 5 - 10 m; chiều cao = 4 - 8 m	314 - 800

4. Chọn giống và thả giống

Cá tầm giống phải có kích cỡ đồng đều từ 50 - 100 g/con. Cá khỏe, phản xạ nhanh, màu sắc bóng bẩy, không bị trầy xước, không có dấu hiệu bị các bệnh ký sinh trùng, miệng không bị sưng, bụng không bị chướng hơi, tỷ lệ dị hình nhỏ hơn 2%, có giấy chứng nhận kiểm dịch.

Mật độ thả giống: 15 - 25 con/m³. Thời điểm thích hợp thả cá vào lồng bè là sáng sớm hoặc chiều mát, không mưa. Không có những bất thường về nguồn nước. Trước khi thả cần ngâm bao cá giống xuống nước trong lồng khoảng 15 - 20 phút để cân bằng nhiệt độ bên trong bao và bên ngoài môi trường nước. Sau đó mở miệng bao, cho nước từ từ vào bao để cá trong bao tự bơi ra ngoài. Trong ngày đầu, không cho ăn để cá thích nghi với môi trường mới.

5. Chăm sóc và quản lý đàn cá nuôi

a. Chăm sóc đàn cá nuôi

Thức ăn cho cá tầm nuôi thương phẩm hiện nay chủ yếu sử dụng thức ăn công nghiệp để đảm bảo chất lượng và không gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, khi nuôi cá trong lồng bè trên hồ chứa, cá tầm cũng ăn các loại thức ăn tự nhiên trong hồ như: Sinh vật phù du trong nước, tôm tép, cá nhỏ...

Thông thường, trong thời gian 2 tháng đầu lượng thức ăn hàng ngày chiếm 5 - 7% khối lượng cá trong lồng, các tháng tiếp theo cho ăn bằng 3 - 5% khối lượng cá có trong lồng nuôi. Ngoài ra, hàng ngày khi cho cá ăn cần chú ý quan sát và điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp.

* Thức ăn công nghiệp sử dụng trong nuôi thương phẩm cá tầm:

Thức ăn công nghiệp cho cá tầm nuôi thương phẩm đảm bảo độ đạm trên 35%. Cá tầm là loài ăn đáy và độ sâu của lồng trên 4 m. Vì vậy yêu cầu thức ăn phải có độ bền lâu trong nước trên 1 giờ.

Bảng thức ăn cho cá tầm theo từng giai đoạn

Giai đoạn phát triển của cá (g/con)	Kích cỡ viên thức ăn (mm)	Hàm lượng protein (%)
50 - 100	0,5	50
100 - 300	1,0 - 1,2	45 - 50
300 - 500	1,5 - 2,0	40 - 45
500 - 1.000	2,0 - 3,0	37 - 40
1.000 - 1.500	3,0 - 5,0	35 - 37
> 1.500	5,0 - 10	> 35

* Khẩu phần ăn:

Cá tầm nuôi trong lồng trên hồ chứa, do tính chất lồng nuôi rộng, sâu (5 - 7 m) và nước lưu thông nên khi cho cá ăn cần sử dụng ống nhựa dài bằng độ sâu của lồng, đường kính 10 cm. Khi cho ăn, người nuôi nên đứng ở thành lồng, cầm ống nhựa xuống nước cách đáy lồng 1,5 - 2 m, sau đó đổ thức

ăn vào ống nhựa để thức ăn theo ống xuống sàng ăn ở đáy lồng, giúp cá ăn được hết thức ăn, tránh lãng phí do bị phát tán ra bên ngoài hoặc trôi theo dòng chảy.

Thời điểm cho ăn trong ngày phụ thuộc vào lứa tuổi của cá và tập tính ăn của cá: Thông thường cho cá ăn 4 lần/ngày, thức ăn được chia làm 4 phần, cho cá ăn vào 8 - 9 giờ, 13 - 14 giờ, 18 - 19 giờ và 22 - 23 giờ (nên cho ăn nhiều hơn vào buổi chiều và đêm).

Sau khoảng 30 - 40 phút, người nuôi kéo sàng ăn lên để kiểm tra mức độ sử dụng thức ăn của cá. Đồng thời, quan sát các hoạt động của cá, mức độ căng của bụng cá để có căn cứ điều chỉnh thức ăn của cá tầm cho phù hợp.

- Nếu thức ăn vẫn còn trên sàng và bụng cá căng thì cần giảm lượng thức ăn cho cá tầm.

- Cũng có thể thức ăn còn dư trong sàng nhưng cá ăn không no thì cần xem lại thức ăn cho cá ăn, tình trạng sức khỏe cá, điều kiện môi trường.

- Khi trời mưa, nước trong hồ sẽ bị đục nên dừng không cho cá ăn, nếu mưa kéo dài cần giảm thức ăn 30 - 50% so bình thường.

Điều chỉnh khẩu phần ăn: Định kỳ 20 - 30 ngày kiểm tra mẫu cá 1 lần để xác định cỡ trung bình và tổng khối lượng cá để điều chỉnh lượng thức ăn cho giai đoạn tiếp theo.

* Kiểm tra cá:

- Hàng ngày quan sát hoạt động của cá trong các lồng nuôi, tình hình sử dụng thức ăn và các hiện tượng bất thường khác xảy ra.

- Quan sát trực tiếp trong lồng bè: Cá bơi nhanh, tập trung thành đàn, màu sắc đặc trưng, da sạch, không có sinh vật bám, không bị thương là cá khỏe. Cá bơi bất thường, chậm, rải rác, không tập trung, màu sắc nhợt nhạt là cá yếu.

b. Quản lý môi trường

- Hàng ngày quan sát, loại bỏ rác thải tại khu vực nuôi, ảnh hưởng tới lồng nuôi và gây dịch bệnh cho cá.

- Định kỳ từ 20 - 30 ngày tiến hành vệ sinh lồng nuôi bằng cách kéo lồng lên dùng máy bơm cao áp xả nước trực tiếp để giặt lồng lưới, hoặc cũng có thể thay lưới để đảm bảo lồng nuôi luôn sạch sẽ.

- Trong quá trình vệ sinh cần kiểm tra lồng, phát hiện kịp thời các vết rách, rạn nứt để kịp thời khắc phục các vết rách nhằm hạn chế thất thoát cá.

- Loại bỏ rác trôi nổi và các vật cứng vào khu bè nuôi.

- Vào mùa mưa lũ phải kiểm tra cá, dây neo bè, di chuyển lồng vào vị trí an toàn khi có bão, lũ.

c. Ghi chép nhật ký

Tất cả các hoạt động liên quan đến công việc nuôi cá tầm trong lồng bè đều được ghi chép lại đầy đủ vào cuốn sổ nhật ký.

6. Thu hoạch cá tầm

Sau thời gian nuôi từ 10 - 12 tháng, khi cá tầm đạt kích cỡ 1,8 kg/con trở lên tiến hành thu tỉa hoặc thu toàn bộ. Trước khi vận chuyển phải ngừng cho cá ăn trước 1 ngày. Dụng cụ vận chuyển cá tầm thương phẩm phải đủ rộng để cá không bị cong thân hay tổn thương.

7. Biện pháp phòng, trị bệnh cá tầm

Cá tầm bị bệnh do nhiều nguyên nhân gây ra. Nguyên nhân phát sinh bệnh cá tầm bao gồm:

- Môi trường thay đổi đột ngột: Nhiệt độ nước tăng hoặc giảm mạnh trên 5°C/ngày; Hàm lượng oxy giảm, các loại hóa chất, chất thải sinh hoạt, các nhà máy...

- Cơ thể cá yếu nên bị các tác nhân gây bệnh từ môi trường nước, dụng cụ sử dụng mang theo mầm bệnh.

- Nguồn thức ăn cung cấp cho cá không đảm bảo chất lượng.

* Một số biện pháp phòng bệnh:

Trong việc phòng bệnh cá, việc quan tâm chăm sóc trạng thái và theo dõi hoạt động của cá cũng như chất lượng nước là rất quan trọng. Phát hiện bệnh càng sớm, càng có thể nhanh chóng tiến hành biện pháp chữa trị để giảm thiểu tỉ lệ chết.

- Thả cá mật độ quá dày thường dễ bị bệnh do cá cọ xát và dễ bị thương, stress, làm giảm chất lượng nước và sức chống chịu của cá.

- Một số loài kí sinh trùng, ví dụ như *Myxosoma Myxobolu*, không thể chữa khỏi bằng phương pháp tắm trị liệu, vì ký sinh trùng kí sinh bên trong cá (nội ký sinh) mà không phải trên bề mặt da cá.

- Định kỳ phòng bệnh phải thực hiện các biện pháp sau:

+ Khử trùng lồng bè trước và sau khi nuôi.

+ Làm tốt công tác kiểm dịch cá giống.

+ Định kỳ 20 - 30 ngày tắm muối với nồng độ 10-15‰ để phòng bệnh cho cá.

+ Quản lý thức ăn sử dụng cho cá.

+ Trộn vitamin và thảo dược vào thức ăn để tăng sức đề kháng của cá.

Trên đây là phương pháp phổ biến thường dùng trong nuôi trồng thủy sản.

Ngoài những biện pháp trên, trong quá trình nuôi cần theo dõi và phát hiện bệnh kịp thời để có biện pháp xử lý. Do đó, khi phát hiện đàn cá nhà mình có những dấu hiệu bị bệnh, bà con nên liên hệ với cơ quan khuyến nông, khuyến ngư của địa phương để có những lời khuyên cụ thể về điều trị bệnh cho đàn cá của gia đình.

Bên cạnh đó, khi cá chết, bà con cần làm tốt công tác quản lý cá chết: Có nơi để chứa cá chết (có nắp đậy), cách ly với khu nuôi.

ĐẶNG XUÂN TRƯỜNG

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Một số biện pháp kỹ thuật

CHĂM SÓC CÂY RAU VỤ ĐÔNG

Hiện nay cây vụ đông ở các tỉnh miền Bắc đang trong giai đoạn sinh trưởng phát triển mạnh, một số đang cho thu hoạch những lứa đầu. Thời tiết vụ đông năm nay có nhiều biến động bất thường, đặc biệt nhiệt độ và lượng mưa làm ảnh hưởng khó lường đến cây rau vụ đông. Xin giới thiệu khái quát một số biện pháp kỹ thuật chăm sóc cây rau đông đến người sản xuất:

1. Tưới nước

Đối với từng loại cây trồng, từng giai đoạn phát triển khác nhau mà nhu cầu cây trồng cần nhiều hay ít nước. Để cây sinh trưởng phát triển tốt thì độ ẩm đồng ruộng cần đảm bảo 75 - 80%. Bảo đảm chế độ nước tưới phù hợp với từng loại cây trồng cần lưu ý những điểm sau đây:

- Đối với các loại rau ăn lá thì yêu cầu về nước tăng cao ở giai đoạn phát triển thân lá.



Tưới nước bằng hệ thống rãnh

- Với cây họ Bầu bí, cà chua thì nhu cầu nước của cây tăng dần và cần nhiều nhất ở giai đoạn ra hoa đậu quả.

- Đối với dưa chuột cần lưu ý trong thời kỳ trở hoa không để cho cây bị khô hạn hay thiếu nước tưới.

Nên tưới nước vào buổi sáng, khi cây ở giai đoạn cần nhiều nước thì nên tưới 1 lần/ngày. Kiểm

tra độ ẩm theo kinh nghiệm bằng cách nắm chặt đất trong tay rồi mở ra thấy đất vẫn còn nguyên hình dạng nhưng không có nước rỉ ra kể tay là độ ẩm đảm bảo và không cần tưới, nếu đất tơi ra là thiếu nước và nếu thấy nước rỉ ra thì độ ẩm dư thừa.

Tưới rãnh (tưới ngầm) được khuyến khích ở tất cả các giai đoạn. Nước được dẫn vào các ống luống sao cho mức nước đồng bằng 1/3 hoặc 1/2 chiều cao luống tùy từng giai đoạn. Trong giai đoạn giá rét dẫn nước vào ngập 2/3 rãnh cho thấm dần vào mặt luống sau khoảng 6 - 8 giờ rút cạn hết nước trong rãnh. Tránh để dư thừa nước dễ dẫn đến hiện tượng cháy lá, thối bẹ, thối củ với các loại cây như hành, tỏi, kiệu. Trong trường hợp nước không đủ thì có thể dùng gáo tưới cây, cần chú ý tưới vào gốc cây để tránh làm hỏng hoa (cây súp lơ). Tưới bằng nước sạch, không dùng nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý để tưới cho rau.

2. Bón phân

Bón phân tùy theo từng loại cây:

- Đối với cây rau ngắn ngày như cây rau ăn lá thì bón (tưới) phân nhanh tan (phân đơn) kết hợp với phân trung vi lượng;

- Đối với cây rau dài ngày thì cần bón lót sử dụng phân NPK tổng hợp tan chậm kết hợp với tưới phân nhưng tăng cường phân kali và phân lân giúp cây sinh trưởng khỏe.

Bón phân nên chia theo giai đoạn sinh trưởng của cây: Cây con, phát triển thân lá, ra hoa đậu quả. Giai đoạn đầu cần nhiều phân đạm và lân nhưng cũng cần bón phân kali, giai đoạn sau tăng lượng phân kali và giảm phân đạm.

Khuyến khích bón phân áp dụng biện pháp bón vùi vào đất trước và sau trồng không chỉ giảm công chăm sóc, phân bón được giữ trong luống đất, cây hấp thụ tốt hơn mà còn hạn chế được tỷ lệ rau bị chết do nấm và vi khuẩn xâm nhập gây hại.

Một số cây trồng có mật độ dày không thể bón thúc bằng biện pháp vùi thì việc hòa phân bón với nước thành dung dịch để tưới cho rau là cần thiết. Không được tưới thúc dung dịch phân bón vào gốc cây rau mà nên tưới vào vị trí giữa 2 hàng hoặc giữa 2 cây. Trời khô thì bón thúc với nồng độ phân loãng. Trời râm và mưa thì bón thúc phân với nồng độ đặc hơn.

Bón thúc phân định kỳ theo đặc điểm của từng loại rau:

- Đối với cây rau ăn lá ngắn ngày như cải bẹ, cải ngọt thời gian sinh trưởng ngắn vì vậy lượng phân bón ít hơn;

- Đối với các loại cây rau dài ngày như cải bắp, súp lơ, cải bao... lượng bón cần nhiều hơn.



Bón thúc bằng dung dịch (phân hoà tan vào nước)

Cụ thể lượng phân bón thúc cho các loại cây như sau: Rau cải cần lượng phân đạm từ 1 - 3 kg/sào Bắc bộ và phân kali từ 0,8 - 2 kg/sào cho mỗi lần bón. Bón lần 1 sau trồng 7 - 10 ngày, lần 2 cách lần 1 từ 10 - 15 ngày. Rau cải bắp thì bón thúc thêm lần 3 vào thời kỳ cây bắt đầu cuốn.

Sử dụng các loại phân bón chuyên dùng cho cây rau vì các loại phân này khi được bón vào đất sẽ cung cấp cân đối dinh dưỡng cho cây và ít bị mất phân khi gặp thời tiết bất lợi nắng nóng hay mưa nhiều. Khuyến khích sử dụng phân đạm xanh (urê + NEB 26) bón cho rau. Đây là phân bón hiệu quả trong việc tăng năng suất cây trồng, an toàn cho người sử dụng và bảo vệ môi trường.

Cùng với lượng phân bón vô cơ thì nguồn phân hữu cơ, phân vi sinh cũng quan trọng đối với năng suất và chất lượng cây rau và cải tạo đất. Không dùng phân hữu cơ tươi bón hoặc tưới cho rau, phân cần được ủ thật hoai mục. Phân hữu cơ chỉ nên bón lót, không nên tưới.

3. Chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh

Tỉa thưa hợp lý cành, nhánh (đặc biệt với các cây cà chua, ớt, khoai tây), làm cho bộ tán thông thoáng, hạn chế sương mai và sâu bệnh hại khác. Phát hiện và phòng trừ kịp thời các loại sâu bệnh mới phát sinh, gây hại. Nếu phát hiện trên ruộng có một số cây rau màu bị bệnh virus (khảm lá) hoặc vi khuẩn héo xanh gây hại cần khẩn trương nhổ bỏ và tiêu hủy các cây bị bệnh và áp dụng các biện pháp ngăn chặn để tránh lây lan.

Nếu có điều kiện nên làm vòm ni-lông che sương muối và giữ ẩm cho từng luống rau khi nhiệt độ ngoài trời xuống thấp 11 - 13°C.

Phun phòng kịp thời các loại thuốc trừ nấm đặc hiệu để trừ các bệnh mốc sương, thán thư, đốm lá. Đối với các loại rau ăn lá như cải bắp, cải xanh... và rau ăn quả như đậu cô ve, đậu đũa, dưa chuột nên dùng các loại thuốc trừ sâu có nguồn gốc vi sinh hoặc sinh học. Dùng bón phân và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trước khi thu hoạch 7 - 10 ngày.

TRẦN THỊ DIỆU

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Giới thiệu

MỘT SỐ LOÀI CÂY LÂM NGHIỆP CHO NHỰA Ở CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

1. Cây thông nhựa

Đặc điểm hình thái:

Thông nhựa có tên khoa học là *Pinus merkusii* thuộc họ Pinaceae, thông nhựa có tên khác là thông 2 lá, thông Bắc bộ, thông Hoàng Mai, thông Yên Lập, là cây gỗ lớn, cao tới 20 - 25 m, chiều cao dưới cành 15 - 20 m, đường kính thân 40 - 50 cm.



Hoa và quả thông nhựa



Khai thác nhựa thông

Đặc điểm sinh thái học:

Trong tự nhiên, có thể gặp thông nhựa mọc trong nhiều loại hình rừng (thông nhựa thuần loại, thông nhựa hỗn giao với thông 3 lá, thông nhựa hỗn giao với cây lá rộng...). Ở Việt Nam cây thông nhựa có biên độ sinh thái khá rộng, trồng nhiều ở các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Sơn La.

Thông nhựa là loài cây ưa sáng và chịu hạn. Cây sinh trưởng trên đất cát, đất đỏ, đất nhẹ, dễ thoát nước; đất phong hoá từ đá mẹ sa thạch, sa phiến thạch. Có thể mọc trên đất đồi núi trọc, cằn cỗi, sỏi đá, nghèo kiệt, khô hạn. Cây thích ứng với các loại đất chua (pH = 4 - 5).

Kỹ thuật chọn, nhân giống và gây trồng:

Giống thông nhựa thường được thu hái ở lâm phần giống từ 15 tuổi trở lên. Thời gian thu hái: Quả chín và thu hái vào tháng 9 - 10 (miền Bắc), tháng 3 - 5 (miền Nam).

Khi quả chín vỏ thường có màu vàng nhạt hoặc một phần vỏ quả có màu cánh gián, mắt quả to mẩy, nhân hạt chắc cứng, hạt có nhiều dầu, một số mắt quả nứt ra để hạt tung ra ngoài. Hạt sau khi tách ra quả thì bảo quản khô ở nhiệt độ bình thường, hạt được để nơi thoáng mát, nếu giữ được nhiệt độ ổn định 5 - 10°C có thể duy trì sức sống của hạt đến vài ba năm.

Cây con chủ yếu được tạo từ phương pháp nhân giống sinh

dưỡng. Trước khi gieo loại bỏ hạt thối, hạt lép, ngâm hạt trong nước ấm từ 40 - 45°C để nguội trong 4 - 6 giờ, vớt ra để ráo nước, ngâm tiếp vào thuốc tím có nồng độ 0,01% trong 15 phút hoặc dung dịch Boóc-đô nồng độ 1% trong 3 - 4 phút. Sau đó vớt ra cho vào túi vải ủ trong bao tải, mỗi ngày rửa chua 1 lần, khi hạt nứt nanh đem gieo hạt vào khay cát. Sau 8 - 10 ngày khi cây mầm có hình que diêm cao 2 - 3 cm được nhổ cấy vào bầu. Thời vụ gieo tháng 2 - 3 và tháng 9 - 10.

Cây con đạt 8 - 9 tháng tuổi, chiều cao 20 - 25 cm là có thể mang đi trồng. Mật độ và phương thức trồng: Từ 2.500 - 3.000 cây/ha đối với trồng thuần loại, hoặc 4.000 - 5.000 cây/ha khi muốn kết hợp trồng lấy củi, hoặc 1.500 - 2.000 cây/ha khi có điều kiện trồng kết hợp với cây nông nghiệp.

Khai thác và sơ chế:

Khi cây đạt 10 - 15 tuổi có thể bắt đầu cho khai thác nhựa tùy theo tình hình sinh trưởng và đường kính của cây. Để đảm bảo khai thác lâu dài, nên bắt đầu khai thác nhựa khi cây có đường kính ngang ngực khoảng 20 - 25 cm (ở độ tuổi 25 năm) và chích nhựa liên tục cho đến khi cây hết nhựa, sẽ tiến hành khai thác gỗ để trồng lại rừng mới. Đời sống của thông nhựa có thể kéo dài ít nhất 80 năm, tối đa tới 120 năm hoặc lâu hơn. Thời gian khai thác nhựa đối với mỗi vòng đời của rừng thông có thể kéo dài khoảng

50 - 60 năm. Tùy tình hình và yêu cầu cụ thể mà áp dụng các chế độ chích nhựa khác nhau (chích dưỡng, chích rút và chích kiệt). Nhựa tiết ra nhiều nếu thời tiết nóng, trời quang đãng và ngược lại khi trời rét, âm u sẽ ít nhựa. Ở điều kiện nước ta, có thể khai thác nhựa quanh năm, nhưng tốt nhất là từ tháng 5 đến tháng 10 ở phía Bắc và từ tháng 12 đến tháng 5 (mùa khô) ở phía Nam. Khả năng tiết nhựa thường tăng theo cấp đường kính, đường kính càng lớn càng cho nhiều nhựa. Những cây sinh trưởng tốt có thể cho năng suất nhựa trung bình hàng năm tới 3,5 - 4,5 kg/cây. Nhựa thông sau khi thu về cần loại bỏ tạp chất (bằng cách lọc qua mặt lưới, mặt sàng) trước khi đưa chưng cất tinh dầu.

2. Cây sơn ta

Đặc điểm hình thái:

Cây sơn ta có tên khoa học *Rhus succedanea* thuộc họ Đào lộn hột (Anacardiaceae). Cây gỗ nhỏ, có thể cao 10 m, vỏ màu xám tro, nhiều đốm nâu, vết sẹo chảy nhựa trắng.

Đặc điểm sinh thái học:

Sơn ta có biên độ sinh thái rộng, mọc ở độ cao dưới 1.500 m. Cây ưa khí hậu nóng ẩm, nhiệt độ trung bình khoảng 20 - 30°C là thích hợp nhất, tuy nhiên cây sơn ta cũng có thể chịu được nhiệt độ nóng tới 38 - 39°C, lạnh tới 4 - 5°C. Cây ưa ẩm, sinh trưởng tốt và cho nhiều nhựa vào các tháng mưa, độ ẩm không khí cao và nắng nhiều, cây chịu được hạn nhưng không chịu được ngập úng.

Cây sinh trưởng phát triển khá nhanh, cây 28 - 30 tháng tuổi đã đạt chiều cao khoảng 2 m, bắt đầu ra hoa, kết quả và cho thu hoạch nhựa. Mùa ra hoa tháng 3 - 4, mùa quả tháng 8 - 9; Khi cây ra hoa, mang quả thường ít nhựa, hoa càng nhiều thì nhựa càng ít. Bộ rễ sơn ta ăn nông nên cây



Rừng trồng sơn ta tại Tam Nông, Phú Thọ



Quả trên cành cây sơn ta

thường bị đổ khi có gió to hoặc bão. Vì vậy khi trồng nên đặt bầu thấp hơn mặt đất và chăm sóc, vun gốc thường xuyên cho cây.

Kỹ thuật chọn, nhân giống và gây trồng:

Nguồn giống sơn ta đã được trồng phổ biến gồm 2 loại: (1) Sơn lá trám có lá to, màu xanh nhạt; Nhựa trắng, năng suất cao hơn nhưng giá trị thấp hơn; (2) Sơn lá si có lá nhỏ, màu xanh lục; Nhựa đỏ, năng suất thấp hơn nhưng chất lượng tốt, nhựa chảy đều và thời gian cho nhựa dài, có giá trị cao hơn.

Hạt giống thu hái tháng 8 - 9. Thu hái quả chín vàng khô ở trên cây sơn ta già cho nhiều nhựa và đã chích nhựa được 2 - 3 năm. Sau khi thu hái, hạt được phơi trong nắng nhẹ rồi xử lý hạt đem gieo, nếu để lâu đến năm sau hạt sẽ mất sức nảy mầm. Cách xử lý hạt trước khi gieo cần trầy vỏ (giã) rồi ngâm trong nước

1 tuần, sau đó đem gieo vào đất hoặc cát ẩm, khoảng 15 ngày sau hạt sẽ nảy mầm (trong quá trình ủ trong cát ẩm hàng ngày dùng nước ấm để tưới). Sau đó cấy cây mầm vào bầu rồi tưới nước thường xuyên giữ ẩm cho cây. Ngừng tưới nước 1 tuần trước khi xuất vườn. Cây được cấy trong bầu khoảng 2 tháng tuổi có chiều cao đạt 15 - 20 cm là có thể mang đi trồng. Sơn ta chủ yếu được trồng thuần loài, ngoài ra có thể trồng xen vào đồi chè, mật độ trồng 2.500 cây/ha hoặc 3.300 cây/ha.

Khai thác và sơ chế:

Tuổi khai thác: 24 - 30 tháng tuổi. Thời gian khai thác nhựa: 4 - 6 năm, tùy thuộc vào quá trình chăm sóc, nếu là đất mới trồng sơn thì thời gian có thể lâu hơn. Kỹ thuật cắt lấy nhựa dùng dao sắc cứa vỏ chếch 45° hình chữ V rồi hứng vỏ trai vào, 3 ngày cắt 1 lần trừ mùa khô khi cây rụng lá, lần cắt tiếp theo tiếp tục cạo một lớp vỏ mỏng ở phía trên vết cắt trước, thời gian cắt thường 3 - 5 giờ sáng để tránh ánh nắng mặt trời, thời gian thu sơn từ 9 - 11 giờ trưa. Sang năm thứ 2 hoặc thứ 3 có thể tiếp tục mở miệng cắt phía sau lưng vết cắt đầu tiên, sử dụng đồng thời 2 vết cắt nhựa một lúc cho đến khi hết chu kỳ kinh doanh. Sử dụng miếng xốp để quẹt sơn thu được từ vỏ trai vào thùng đựng nhựa sơn. Nhựa sơn được cất trữ trong thùng đan bằng tre có trát nhựa sơn.

3. Cây trám trắng

Đặc điểm hình thái:

Trám trắng có tên khoa học là *Canarium album* Raeusch thuộc họ Trám (Burseraceae). Cây còn có tên gọi khác là nền, cà na. Trám trắng là cây bản địa, gỗ lớn, có chiều cao từ 20 - 30 m, đường kính ngang ngực từ 50 - 70 cm, thân tròn thẳng, tán lá rộng và xanh quanh năm. Quả hạch hình trái xoan, hai đầu nhọn, dài 2,5 -

3,5 cm, khi chín màu vàng nhạt. Hạt cứng hoá gỗ dày.

Đặc điểm sinh thái học:

Trám trắng có phân bố tương đối rộng. Ở Việt Nam, trám trắng phân bố ở hầu hết các tỉnh phía Bắc, Tây Nguyên và Đông Nam bộ. Cây mọc khá phổ biến trong các kiểu rừng thường xanh ở độ cao dưới 1.000 m so với mặt nước biển, tập trung nhiều ở độ cao 200 - 700 m, nơi có lượng mưa 1.400 - 2.000 mm/năm. Trong rừng tự nhiên trám trắng thường vươn lên tầng trên. Cây mọc tự nhiên từ hạt sẽ cho quả sau 8 - 10 năm, cây trồng cho quả sớm hơn, chỉ sau 6 - 7 năm. Mùa hoa tháng 3 - 4, mùa quả tháng 9 - 10.

Kỹ thuật chọn, nhân giống và gây trồng:

Trám thường được nhân giống bằng hạt hoặc bằng phương pháp ghép. Chọn cây sinh trưởng và phát triển tốt, thân thẳng, tán rộng, chiều cao dưới cành lớn, không sâu bệnh để lấy hạt làm giống. Hạt giống thường thu hái từ tháng 9 - 11 khi vỏ quả chuyển từ màu xanh sang màu vàng mờ, ăn có vị ngọt, nhân hạnh màu trắng. Sau khi thu hái về loại bỏ quả bé, tạp chất, rồi ủ từ 2 - 3 ngày cho quả chín đều, ngâm quả vào nước nóng 60 - 70°C (3 sôi 2 lạnh) trong thùng hoặc chậu có nắp đậy kín. Khoảng 2 - 3 giờ vớt ra và dùng dao tách phần thịt

quả để làm thực phẩm còn hạt đem phơi dưới nắng nhẹ hoặc trong bóng râm cho ráo nước rồi đưa vào bảo quản trong cát ẩm (8 - 10%) để giữ được phẩm chất hạt từ 1 - 2 tháng hoặc bảo quản khô để trong chum, vại sành để giữ được phẩm chất hạt từ 2 - 3 tháng hoặc bảo quản lạnh ở nhiệt độ 5 - 10°C sẽ giữ được phẩm chất hạt từ 5 - 6 tháng.

Đối với nhân giống bằng phương pháp ghép thì gốc ghép được tạo ra từ hạt nhưng tiêu chuẩn gốc ghép đòi hỏi cao hơn và phải đạt: Bầu tạo gốc ghép là bầu PE kích thước 10 x 15 cm hoặc 12 x 18 cm; Cây con 12 - 18 tháng tuổi, thân cây thẳng, không sâu bệnh; cây có đường kính gốc ≥ 1 cm (hoặc đoạn thân cách mặt bầu 30 cm có đường kính $> 0,7$ cm), chiều cao cây trên 80 cm. Cành ghép chọn trên các cây mẹ là những cây sai quả, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, quả to và đều. Chọn những cành bánh tẻ ở khoảng giữa của tán lá, nơi có nhiều ánh sáng. Cắt đoạn chồi ghép dài 15 cm, cắt cuống lá cách thân cành 0,5 cm. Thời vụ ghép vào vụ xuân từ tháng 2 - 4, vụ thu từ tháng 8 - 10 và được ghép bằng phương pháp ghép nêm hoặc áp.

Cây ghép được nuôi trong vườn từ 9 - 12 tháng, đoạn cành ghép cao 25 cm, đã có nhiều lá, lá ở dạng bánh tẻ là có thể mang

đi trồng. Mật độ trồng đối với cây ghép từ 400 - 500 cây/ha (5 x 5 m và 5 x 4 m), trong đó giữa các hàng cây có thể trồng cây phủ trợ bằng keo tai tượng hoặc gieo một hàng cốt khí, có thể trồng xen cây nông nghiệp trong 3 - 4 năm đầu.

Khai thác và sơ chế:

Khai thác và sơ chế nhựa trám trắng: Nên khai thác nhựa từ tháng 9 năm trước đến tháng 4 năm sau, đây là thời gian cây cho nhiều nhựa nhất. Thời gian khai thác từ tháng 5 đến tháng 8 cây cho ít nhựa, nên hạn chế khai thác để tạo điều kiện cho cây sinh trưởng, phát triển. Lựa chọn cây khai thác là cây có đường kính trung bình trên 25 cm. Thân thẳng, không sâu bệnh. Vệ sinh gốc cây được tiến hành trước khi khai thác, cần phát dọn thực bì xung quanh gốc cây được chọn khai thác. Dụng cụ khai thác nhựa dụng cụ chủ yếu dùng để khai thác là dao chích nhựa và dụng cụ vét nhựa. Dùng giỏ để thu gom nhựa, khoảng 8 - 10 ngày đi thu gom 1 lần (khoảng 3 - 4 lần chích), khi thu nhựa xong, cây nào chích luôn cây đó để giảm công đi lại. Bảo quản nhựa trám sau khi thu về không cần sơ chế, nén chặt lại và bọc trong túi ni-lông để nhựa không bết gió, luôn mềm dẻo. Bảo quản nhựa ở nơi râm mát.

Khai thác và sơ chế quả trám trắng: Quả trám khi chín có thể thu hoạch bằng cách hái trực tiếp trên cây bằng cách dùng sào có câu liềm. Cần chú ý khi hái quả, không gây tổn thương nhiều cho cây trám trắng để không gây ảnh hưởng xấu đến mùa quả năm sau. Quả hái về có thể làm thực phẩm, nếu làm ô mai phải ngâm quả, phơi khô rồi tẩm các gia vị cần thiết tùy loại ô mai. Cũng có thể chế biến quả thành mứt trám trắng để bảo quản được lâu ■

**HOÀNG VĂN THẮNG,
CAO VĂN LẠNG**

Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam



Hình thái cây trám trắng



Quả trên cây trám trắng

PHÒNG VÀ TRỊ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở GIA SÚC TRONG MÙA RÉT

(Tiếp theo số 10/2015 và hết)

4. BỆNH KÝ SINH TRÙNG

4.1. Bệnh tiên mao trùng

Cách truyền bệnh:

Ruồi mòng *Tabanus rubidus* hút máu trâu bò bệnh, truyền tiên mao trùng trong máu con bệnh sang con khỏe, làm con vật thường có biểu hiện sốt cao. Lượng tiên mao trùng càng nhiều trong máu thì con vật sốt càng cao, nếu lượng kháng thể không đủ chống lại thì con vật sẽ chết ở giai đoạn này.

Triệu chứng:

Thời kỳ ủ bệnh từ 10 - 15 ngày. Gia súc bệnh có triệu chứng sốt cao gián đoạn: 40 - 41,5°C (sốt lên xuống), kèm triệu chứng run rẩy, đi loạng choạng. Gia súc ỉa chảy dai dẳng theo chu kỳ sốt, có niêm mạc nhợt nhạt do thiếu máu nặng vì tan vỡ hồng cầu. Gia súc bệnh thường bị thủy thũng dưới da ở vị trí 2 chi sau, vùng ngực, bụng, yếm. Cơ quan giác mạc bị viêm, mắt có dử. Nhiều trường hợp bò cái bị xảy thai khi nhiễm tiên mao trùng. Trâu bò khi bị bệnh cấp tính thường chết đột ngột.

Điều trị:

Dùng các loại thuốc đặc trị ký sinh trùng đường máu như Trypamidium (Samorin) liều lượng 1 mg/kg trọng lượng. Pha thuốc với nước cất theo tỉ lệ 2 - 3%, tiêm bắp hoặc tiêm tĩnh mạch chậm. Dùng Trypazen, Diminaveto tiêm bắp, hoà tan 1 gói 2,36 g vào 12,5 ml nước cất cho 300 kg trọng lượng trâu bò. Tiêm bắp Azidin với liều 3 - 3,5 mg/kg thể trọng trâu bò, tiêm bắp hoặc tĩnh mạch, cần tiêm thuốc trợ sức trước cafein, long não nước.

Phòng bệnh:

Định kỳ kiểm tra máu trâu, bò 6 tháng/lần để kịp thời phát hiện trâu bò mắc bệnh, điều trị sớm. Khi có biểu hiện lâm sàng, báo cho cán bộ thú y đến tư vấn.

Cách ly con vật ốm và điều trị. Tiêm phòng định kỳ vào tháng 3 - 4 và tháng 9 - 10 để phòng bệnh trước mùa hè và mùa đông.

Thường xuyên quét dọn chuồng nuôi sạch sẽ. Định kỳ phun tiêu độc khử trùng chuồng trại. Diệt ruồi mòng trên thân gia súc và chuồng trại. Nên dùng màn che chuồng trâu bò khi mùa ruồi mòng

phát triển. Mùa đông, cần tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng và chống rét cho trâu bò. Ghi chép chăn nuôi và thường xuyên theo dõi sức khỏe đàn trâu bò để phát hiện bệnh sớm. Kiểm dịch nghiêm ngặt khi xuất nhập trâu bò. Cách ly đàn bò mới nhập theo quy định của cơ quan thú y.



Mòng *Tabanus rubidus*

4.2. Bệnh lê dạng trùng ở bò

Cách truyền bệnh:

Bệnh do ve *Boophilus* truyền bệnh. Ve hút máu bò bệnh và truyền cho bò khỏe. Lê dạng trùng sinh sản hữu tính trong cơ thể ve và tăng nhanh số lượng mầm bệnh. Độc tố của lê dạng trùng gây rối loạn điều hòa nhiệt làm con vật sốt cao liên tục, đáí đồ.

Triệu chứng:

- Triệu chứng điển hình của bệnh là sốt cao, đáí đồ. Bò sốt cao (40 - 41°C) liên tục nhiều ngày, nước tiểu màu vàng sẫm, màu đỏ chuyển dần sang màu cà phê sẫm, do bò đi tiểu ra huyết sắc tố, đi táo. Niêm mạc mắt vàng, rồi chuyển sang tái nhợt, xuất huyết. Tim đập nhanh, mạch không đều, thở không đều.

- Con vật có triệu chứng thần kinh, bò sữa giảm sản lượng sữa rõ rệt.

Bò bệnh thể cấp tính chết sau 6 - 10 ngày ở tình trạng bần huyết, thiếu máu cấp tính, kiệt sức, ngạt thở.

Bò bị bệnh thể mãn tính: Các dấu hiệu lâm sàng nhẹ dần, suy nhược và thiếu máu 2 - 3 tháng, con vật gầy yếu, giảm lượng sữa và có thể chết do kiệt sức nếu không được chăm sóc tốt và điều trị kịp thời.

Điều trị:

Dùng các loại thuốc trị ký sinh trùng đường máu như sau:

Berenil (Azidin), Imizol, Iminaveto dùng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Tiêm thuốc trợ sức: Cafein hoặc long não nước; Vitamin Bcomplex; Vitamin C; truyền huyết thanh mặn ngọt đẳng trương: 1.000 ml/100 kg thể trọng bò để tăng thể trạng cho bò.

Phòng bệnh:

Hiệu quả nhất là phát hiện bệnh nhanh, điều trị con vật ốm và phòng trừ diệt ve trên thân gia súc, nền chuồng và bãi chăn. Thực hiện các biện pháp tổng hợp sau:

Kiểm tra máu toàn đàn. Cách ly con vật ốm và điều trị. Tiêm phòng định kỳ vào tháng 3 - 4 và tháng 9 - 10 để phòng bệnh trước mùa hè và mùa đông.

Tiêm thuốc phòng nhiễm cho đàn bò mới nhập nội bằng thuốc trị ký sinh trùng đường máu, định kỳ: 6 tháng/lần. Diệt ve trên thân súc vật, trong chuồng trại và trên bãi chăn, có thể dùng các loại hoá chất như: Sumicidin, tỉ lệ 1/800 phun trên thân gia súc và trên nền chuồng; Ectopor phun cục bộ vào gốc tai, khấu đuôi, bẹn, háng và 4 góc chân, những vùng ve bám nhiều. Dùng Hantox-spray hoặc Hectomin-100, hoặc các thuốc diệt ve khác, theo hướng dẫn của nhà sản xuất.



Ve *Boophilus microplus* ở tai bò

4.3. Bệnh giun đũa bê nghé**Cách truyền bệnh:**

Giun cái đẻ trứng ở ruột non, trứng theo phân ra ngoài gặp nhiệt độ và ẩm độ thích hợp (22 - 27°C; ẩm độ 80 - 85%) trứng phát triển thành trứng cảm nhiễm. Nếu bê nghé nuốt phải trứng gây nhiễm thì sau 43 ngày có thể thấy giun trưởng thành trong cơ thể.

Trâu bò cái có chửa (4 - 6 tháng trước đẻ) ăn phải trứng cảm nhiễm thì bê nghé đẻ ra đã nhiễm giun đũa.

Triệu chứng bệnh:

Giun đũa hút dinh dưỡng làm bê nghé gầy nhanh, niêm mạc nhạt nhạt, lông xơ xác. Triệu chứng đặc trưng là phân màu trắng, mùi thối khắm, ỉa chảy “vọt cần câu”, phân dính ở khuỷu chân.

Khi nhiễm nặng, nghé bỏ ăn nằm lì, thờ yếu, đau bụng, nằm ngửa, đập chân lên phía bụng. Thân nhiệt sốt tới 40 - 41°C, lông xù, niêm mạc nhạt màu, mũi khô. Bê nghé có thể bị chết, thường nằm gục một chỗ và nhiều cơn đau bụng dữ dội.

Điều trị:

Dùng một trong các loại thuốc sau để tẩy giun đũa cho bê nghé:

Levamisole, Febendazole, hoặc dùng Piperazin, Tetramizole cho uống theo liều lượng của nhà sản xuất.

Phòng bệnh:

- Tẩy giun định kỳ cho bê nghé vào 20 ngày tuổi, 1 tháng tuổi. Cho bê, nghé bú sữa đầu 6 giờ sau đẻ để tăng sức đề kháng. Tránh thay đổi thức ăn đột ngột.

- Thường xuyên quét dọn chuồng nuôi, thu gom phân rác thải và ủ phân diệt trứng giun sán.

4.4. Bệnh giun phổi bê nghé**Cách truyền bệnh:**

Giun phổi phát triển không cần qua vật chủ trung gian. Giun cái đẻ trứng ở phế quản, nhánh khí quản, trong trứng có ấu trùng. Khi ho, trứng theo đờm rơi vào đường tiêu hoá và xuống ruột nở thành ấu trùng, ấu trùng theo phân ra ngoài. Khi gặp điều kiện thuận lợi, ấu trùng phát triển thành ấu trùng gây nhiễm. Bê nghé ăn phải ấu trùng gây nhiễm, theo đường máu vào hạch lymphô và về phổi. Khi tới phổi, ấu trùng chui vào nhánh khí quản phát triển thành giun phổi trưởng thành.

Triệu chứng:

Giun trưởng thành ký sinh ở phổi làm bê nghé ho nhiều về đêm, khó thở, thờ khò khè, thờ gấp gây xẹp phổi, thiếu máu. Bê nghé dễ nhiễm bệnh kể phát, đặc biệt dễ nhiễm tụ huyết trùng. Bê nghé sốt, kèm theo đi ngoài, gày còm, niêm mạc nhạt nhạt.

Khi nhiễm nặng: Có giun trưởng thành ở đường hô hấp trên, khí quản, cuống phổi, có khi thành từng búi.

Điều trị:

Có thể dùng một trong các loại thuốc sau để tẩy giun đũa cho bê nghé: Levamisole, Ivermectin, Mebenvet, Tetramisol dùng theo liều lượng hướng dẫn của nhà sản xuất. Chống nhiễm khuẩn kế phát, có thể dùng các loại kháng sinh Ampicilin: Kanamycine, liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Chống khó thở: Dùng Ephedrin hoặc Diaphilin. Tăng cường dinh dưỡng và trợ sức trợ lực cho bê nghé: Truyền tĩnh mạch bằng NaCl 0,9% hoặc Glucoz 5%, liều lượng 1.000 ml/100 kg trọng lượng/ngày.

Phòng bệnh:

Cho bê, nghé bú sữa đầu 6 giờ sau đẻ để tăng sức đề kháng. Tránh thay đổi thức ăn đột ngột. Bồi dưỡng cho trâu bò mẹ đủ sữa để bê nghé bú. Giữ ấm chuồng trại. Ăn uống đủ và sạch. Tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng trâu bò mẹ và bê nghé non.

Thường xuyên quét dọn chuồng nuôi, thu gom phân rác thải và ủ phân diệt trứng giun sán.

4.5. Bệnh sán lá gan trâu bò**Cách truyền bệnh:**

Sán trưởng thành ký sinh ở ống dẫn mật và gan trâu bò. Sán đẻ trứng, trứng theo phân ra ngoài, khi gặp điều kiện thuận lợi trứng phát triển thành ấu trùng gây nhiễm và chui vào cơ thể ốc *Lymnaea*. Trong cơ thể, ốc, ấu trùng trưởng thành kén, kén tồn tại ở ao hồ, mương, lạch khoảng 20 - 30 ngày bám vào cây thủy sinh. Trâu bò ăn phải cây cỏ có kén sẽ nhiễm sán lá gan.

Do sán ký sinh ở gan, ống dẫn mật nên gây viêm ống dẫn mật, viêm gan, trâu bò tiêu hoá thức ăn kém, gây chướng bụng đầy hơi, ỉa chảy, gầy còm, thiếu máu. Gia súc sốt cao, phân lỏng, thậm chí đi ra cả sán non. Có khi gia súc trúng độc do tắc ống mật, hoàng đản. Sán non di hành dễ gây nhiễm bệnh nhiễm trùng kế phát.

Triệu chứng:

Trâu bò trưởng thành bệnh thường ở thể mãn tính.

Trâu bò dưới 2 năm tuổi bệnh thường ở thể cấp tính, nhiễm nặng có thể chết. Thời gian ủ bệnh khoảng 20 - 25 ngày. Trâu, bò ăn kém, gầy yếu, suy nhược, thiếu máu, giảm sức cày kéo, giảm nhu động dạ dày ruột thời kỳ đầu, sau đó ỉa chảy dai dẳng, phân lỏng. Bê, nghé non có thể thấy hội chứng thần kinh, ỉa chảy dai dẳng, phân có mùi tanh.

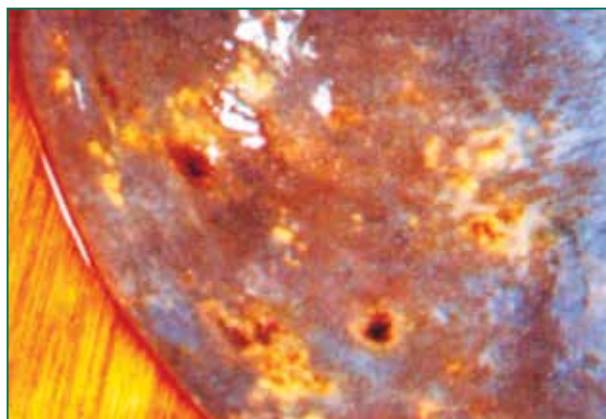
Điều trị:

Có thể dùng một trong các loại hóa dược sau để tẩy sán lá gan cho trâu bò: Cho uống Fasciolid, Fascioranida, Tolzan F (Oxyclozanide Boli), liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Phòng bệnh:

Định kỳ tẩy sán lá gan cho đàn trâu bò, 1 năm 2 lần thường vào tháng 3 - 4 và tháng 9 - 10. Thường xuyên quét dọn chuồng nuôi, thu gom phân rác thải và ủ phân diệt trứng giun sán.

Lấp các ao tù, bãi lầy để hạn chế sự phát triển của ốc vật chủ trung gian. Nuôi vịt, ngan ở vùng đồng trũng để diệt ốc vật chủ trung gian. Phơi khô cỏ hoặc ủ trước khi cho trâu bò ăn. Tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng trâu bò, nhất là gia súc non. Phòng chống rét cho trâu bò.



Gan bị tổn thương do sán lá gan



Ốc ký chủ *Lymnaea viridis* (nhỏ)
và ốc ký chủ *Lymnaea swinhoei* (lớn)

TS. HẠ THÚY HẠNH

PGĐ. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia



TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

Hỏi: Gia đình tôi trồng cải bắp và su hào được 1 tháng nhưng bị khô lá, cháy lá rồi chết. Tôi đã phun thuốc trị bệnh thán thư được 1 ngày. Xin hỏi cách khắc phục?

Đỗ Ngọc Trang

Xuân Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

Đáp:

Theo anh/chị mô tả thì su hào, cải bắp của gia đình bị bệnh cháy bìa lá (có nơi gọi là bệnh cháy lá). Bệnh do vi khuẩn *Xanthomonas campestris* pv. *Campestris* gây ra, được coi là bệnh nghiêm trọng nhất, lây nhiễm tất cả các loại họ Thập tự như cải bắp, su hào, súp lơ, cải xanh, củ cải...

Cải bắp có thể nhiễm bệnh ở bất kỳ giai đoạn nào của chu kỳ sống. Các triệu chứng đặc trưng là vết bệnh có hình chữ V mũi nhọn hướng vào gân chính của lá, gây hoại tử kéo dài từ mép lá và làm đen các mô mạch dẫn truyền. Bệnh phát triển mạnh ở vùng có khí hậu ẩm và ẩm ướt, lan truyền nhanh chóng trên đồng ruộng.

Bệnh có thể lây nhiễm thông qua hạt giống nhiễm bệnh, vườn ươm cây con, vi khuẩn xâm nhập qua các vết thương do côn trùng, qua rễ cây và cả những lỗ khí khổng trên lá. Bệnh có thể lây lan phân tán nhờ nước mưa hoặc nước tưới.

Vi khuẩn gây bệnh có thể sống sót trong các tàn dư cây trồng trong đất cho đến 2 năm, nhưng không quá 6 tuần trong đất. Phạm vi nhiệt độ tối ưu cho vi khuẩn phát triển là từ 25°C - 30°C. Vi khuẩn ngừng hoạt động ở nhiệt độ dưới 10°C.

Biện pháp phòng trừ:

- Sử dụng hạt giống hoặc cây con sạch bệnh;
- Xử lý hạt giống bằng nước nóng 50°C trong 20 phút, hoặc

hóa chất điều trị với Sodium hypochlorite, Hydrogen peroxide... (theo hướng dẫn sử dụng);

- Kiểm soát côn trùng, các loại sâu hại để giảm bệnh phát sinh;

- Luân canh cây trồng với các cây trồng khác không thuộc họ Thập tự (2 - 3 năm);

- Dọn sạch các tàn dư cây trồng họ Thập tự sau khi thu hoạch;

- Bón phân cân đối, hợp lý, tăng cường bón kali là biện pháp kiểm soát bệnh cháy bìa lá.

Khi cây bị nhiễm bệnh có thể sử dụng thuốc Kasuran 47WP pha 50 g thuốc cho bình 16 lít, phun ướt đều trên mặt lá vào sáng sớm hoặc chiều mát. Không phun khi trời nắng to hoặc có mưa.

Ngoài ra có thể sử dụng thuốc Kasumin 2L pha 30 - 40 ml thuốc cho 1 bình 8 - 10 lít nước. Phun phòng (hoặc tưới gốc) 1 đến 2 lần ở thời kỳ cây con hoặc 3 - 4 lần ở thời kỳ cây trước khi bệnh xuất hiện, phun định kỳ 7 - 10 ngày/lần.

Hỏi: Tôi nuôi 1.000 con vịt super để cho đẻ, hiện đã được 6 tháng tuổi. Có một số con bị sưng khớp chân đã lâu nhưng vẫn ăn bình thường. Xin hỏi quý báo biện pháp khắc phục?

Tạ Văn Trung

Tây Đằng, Ba Vì, Tp. Hà Nội

Đáp:

Vịt đẻ cần nhu cầu khoáng rất cao đặc biệt là canxi, vì vậy nếu khẩu phần ăn của vịt trong giai đoạn này bị thiếu canxi sẽ gây nên sưng khớp, đi lại khó khăn. Do đó bác cần kiểm tra lại khẩu phần và bổ sung khoáng chất cho đàn vịt.

Cũng có thể vịt bị viêm khớp mãn tính. Cách điều trị những con vịt bị viêm khớp như sau: Tiêm Penicillin, Lincomycin liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Kết hợp bổ sung vitamin, thuốc trợ sức, trợ lực cho vịt. Khi điều trị bệnh, việc tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng, cải thiện môi trường chăn nuôi sẽ giúp vịt nhanh hồi phục.

Hỏi: Xin quý báo cho biết về nhu cầu dinh dưỡng của ếch để cung cấp thức ăn cho phù hợp?

Nguyễn Thái Sinh

Điện Biên

Đáp: Trong thực tế, các mô hình nuôi ếch thâm canh hay bán thâm canh hiện nay, ếch đều được tập cho ăn thức ăn công nghiệp. Do nhu cầu dinh dưỡng của ếch khá cao vì thế cần chọn những loại thức ăn có độ đậm cao 26 - 40%.

Ếch sử dụng được thức ăn viên nổi ngay từ khi 1 tháng tuổi.

Lượng thức ăn điều chỉnh hàng ngày tùy theo sức ăn và trọng lượng của ếch.

Ếch có trọng lượng 3 - 100 g cho ăn 3 - 4 lần/ngày, lúc chiều tối và ban đêm cho ăn nhiều hơn. Ếch có trọng lượng trên 100 g cho ăn 2 - 3 lần/ngày. Hệ số thức ăn đối với thức ăn viên nổi đối với ếch nuôi trong đăng quần là 1,2 - 1,3; Đối với nuôi trong bể xi-măng, trong giai đoạn là 1,3 - 1,5.

Chú ý: Định kỳ bổ sung Vitamin C và men tiêu hóa giúp ếch tăng cường sức đề kháng và tiêu hóa tốt.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

SƠN LA: GIÁ CÀ PHÊ CÓ CHIỀU HƯỚNG TĂNG

Những người trồng cà phê ở Sơn La đã bước vào vụ hái quả và hiện giá cà phê bắt đầu nhích dần từ 5.000 đồng lên 7.000 đồng/kg. Đây là nguồn thu nhập chính của bà con nơi đây.

Vụ cà phê năm 2015, toàn tỉnh có trên 11.700 ha cà phê, ước tính thu hoạch khoảng 110.000 tấn quả tươi. Đầu mùa, giá cà phê rất thấp, chỉ 3.000 - 4.000 đồng/kg quả tươi nên bà con bị thua lỗ. Theo bà con phản ánh, nguyên nhân chính là do tranh mua, tranh bán, người dân thì cần tiền để hoàn trả nợ ngân hàng. Vùng nguyên liệu có sẵn, chất lượng tốt, song đến nay, Sơn La vẫn chưa có được cơ sở chế biến mang tính chuyên nghiệp. Đây thực sự là thiệt thòi lớn cho người trồng cà phê Sơn La.

Theo lộ trình phát triển cây cà phê đến năm 2020, tỉnh Sơn La xác định triển khai Đề án hỗ trợ ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân hoà tan theo công nghệ Israel để nâng cao năng suất, chất lượng gắn với chế biến, tăng giá trị xuất khẩu cà phê Arabica. Phần đầu sản lượng năm 2020 gấp hai lần năm 2015. Theo đó khẳng định được thương hiệu cà phê Arabica hữu cơ Sơn La trên thị trường trong nước.

Theo TTXVN

XUẤT KHẨU HỒ TIÊU - GIẢM SẢN LƯỢNG, TĂNG GIÁ TRỊ

Theo Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam (VPA), 11 tháng năm 2015, cả nước xuất khẩu 124.000 tấn hồ tiêu, đạt giá trị gần 1,2 tỷ USD, giảm 17% về khối lượng nhưng tăng 2,8% về giá trị so với năm 2014. Năm 2015 tiếp tục là năm hồ tiêu Việt Nam được giá, giá xuất khẩu bình quân 11 tháng là 9.528 USD/tấn, tăng hơn 20% so với năm trước.

Ông Đỗ Hà Nam - Chủ tịch VPA cho rằng, mặc dù năm nay sản lượng hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam giảm đáng kể so với năm 2014, tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng năm 2015 đã xấp xỉ năm 2014. Nếu trong năm 2014, xuất khẩu hồ tiêu đạt 156.000 tấn với 1,21 tỷ USD thì dự báo năm 2015, cả nước sẽ xuất khẩu khoảng 130.000 tấn, với kim ngạch 1,24 tỷ USD. Từ năm 2000 đến nay, Việt Nam liên tục đứng đầu thế giới về sản xuất và xuất khẩu hồ tiêu, chiếm 50% sản lượng xuất khẩu toàn cầu. Tuy nhiên hiện tại, hồ tiêu Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng vỡ quy hoạch trong sản xuất hồ tiêu ở nhiều địa phương đối mặt với những yêu cầu khắt khe hơn của các thị trường thế giới về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Điều này, đòi hỏi phải có chiến lược phát triển ngành hồ tiêu một cách tổng thể, theo quy hoạch diện tích từng địa phương, từng vùng.

Theo TTXVN

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

TÍN HIỆU VUI CHO NGÀNH CHĂN NUÔI BỊ

Một tín hiệu vui đối với các nhà chăn nuôi ở Bỉ, khi từ nay họ có thể xuất khẩu bò thịt sang Thổ Nhĩ Kỳ. Thông tin này được Bộ trưởng Nông nghiệp Willy Borsus công bố hôm 24/11, sau khi các nhà chức trách Thổ Nhĩ Kỳ chấp nhận thỏa thuận nhập khẩu bò thịt từ Bỉ.

Thông cáo của Bộ Nông nghiệp Bỉ nhận định thông tin mới này là cơ hội tốt đối với ngành chăn nuôi trong nước. Thị trường mới sẽ có tác dụng tích cực đối với giá gia súc và tạo thêm động lực cho ngành chăn nuôi. Thổ Nhĩ Kỳ đặc biệt quan tâm tới bò được nuôi dưới một năm và có trọng lượng dưới 300 kg. Phần lớn các nhà cung cấp thịt bò cho Thổ Nhĩ Kỳ ở châu Âu như Hungary, Pháp... hiện đang bị ảnh hưởng bởi bệnh lở mồm long móng và không thể xuất khẩu bò sang Thổ Nhĩ Kỳ. Nhằm giải quyết khó khăn tài chính của nông dân Bỉ, đặc biệt trong bối cảnh Nga áp đặt lệnh cấm vận đối với nông sản, thực phẩm từ châu Âu, Bộ trưởng Nông nghiệp Willy Borsus đặt ưu tiên cho việc thiết lập các thỏa thuận mới để tăng lượng hàng xuất khẩu. Hồi tháng 6 vừa qua, Bỉ cũng ký với Trung Quốc bản ghi nhớ tăng cường xuất khẩu thịt lợn của Bỉ sang Trung Quốc.

Theo TTXVN

AI CẬP TẠM BỎ LỆNH CẤM XUẤT KHẨU GẠO DO NĂNG SUẤT LÚA TĂNG

Vừa qua, Bộ Công nghiệp và Ngoại thương Ai Cập cho biết, quốc gia Bắc Phi này tạm thời sẽ cho phép xuất khẩu gạo trong vòng 6 tháng tới. Tuy nhiên, việc xuất khẩu gạo phải được thanh toán bằng ngoại tệ và trao đổi qua các ngân hàng của Ai Cập.

Giá gạo xuất khẩu được chính phủ Ai Cập đưa ra là 2.000 bảng Ai Cập (tương đương 255,43 USD/tấn). Quyết định trên được đưa ra dựa trên những dự đoán về khả năng tăng năng suất lúa trong niên vụ 2015/16. Tuy nhiên, Bộ này không nói rõ sản lượng thu hoạch dự kiến của niên vụ năm nay, cũng như mức tiêu thụ nội địa theo ước tính.

Chính phủ Ai Cập đã áp đặt lệnh cấm xuất khẩu các mặt hàng lương thực khác nhau, trong đó có gạo từ năm 2008, do nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng đột biến trong khi sản lượng gạo không đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng nội địa.

Theo Vietnam plus